

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm có 03 trang)

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm) Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

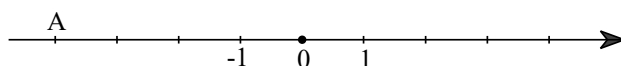
Câu 1. [NB] Trong các số sau, số nào là số tự nhiên?

- A. 20. B. 2,5. C. $\frac{2}{3}$. D. 0,5.

Câu 2. [NB] Khẳng định nào dưới đây **sai**?

- A. Số đối của số -10 là 10 . B. Số đối của 2022 là -2022 .
C. Số đối của 11 là $-(-11)$. D. Số đối của 0 là 0 .

Câu 3. [TH] Điểm A trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?

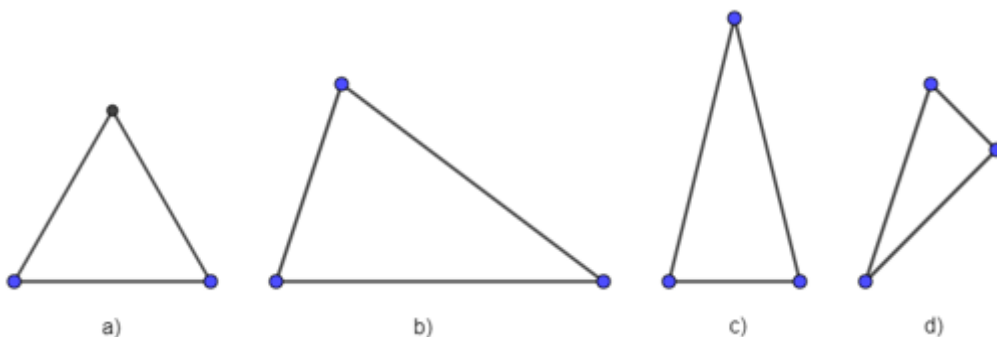


- A. -3 . B. 3 . C. -4 . D. -5 .

Câu 4. [NB_TN4] Kết quả của phép tính $(-30) : 2$ là:

- A. 15 B. -15 C. -60 D. 60

Câu 5. [NB_TN5] Hình nào dưới đây là hình biểu diễn tam giác đều?



- A. Hình a) B. Hình b) C. Hình c) D. Hình d)

Câu 6. [NB_TN6] Trong các hình vẽ dưới đây, Có bao nhiêu hình là hình lục giác đều?



A. 2



B.1



C. 0



D. 4

Câu 7. [NB_TN7] Dữ liệu nào không hợp lý trong các dữ liệu sau:

Bạc Liêu	Đắc – Lắc	Luân Đôn	Hà Nội
----------	-----------	----------	--------

Tên các tỉnh, thành phố của Việt Nam:

A. Đắc – Lắc

B. Luân Đôn

C. Hà Nội

D. Bạc Liêu.

Câu 8. Cho tam giác đều ABC với $AB = 17$ cm. Độ dài cạnh BC là:

A. 17 cm.

B. 7,5 cm.

C. 30 cm.

D. 5 cm.

Câu 9. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	2	1	8	8	9	5	6	1

Số học sinh đạt điểm Khá (điểm 7) là:

A. 1.

B. 9.

C. 19.

D. 7

Câu 10. Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không phải là số liệu?

A. Những môn học có điểm tổng kết trên 8,0 của bạn Nam.

B. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam).

C. Chiều cao trung bình của một số loại cây thân gỗ (đơn vị tính là mét).

D. Số học sinh thích ăn xúc xích.

Câu 11. Dữ liệu số xe bán được của các năm từ năm 2016 đến năm 2020 được cho ở bảng sau đây:

Năm	Số xe bán được
2016	
2017	
2018	
2019	
2020	

 10 xe;  5 xe

Em hãy cho biết tổng số xe bán được từ năm 2016 đến năm 2020

A. 27

B. 72

C. 270

D. 27,5

Câu 12. Theo Tổng cục Thống kê, tháng 10 năm 2020 dân số Việt Nam được làm tròn là 98 000 000 người. Dân số Việt Nam được viết dưới dạng tích một số với một lũy thừa của 10 là:

A. $980 \cdot 10^7$ người.

B. $980 \cdot 10^6$ người.

C. $98 \cdot 10^7$ người.

D. $98 \cdot 10^6$ người.

Phần 2: Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- Liệt kê các số nguyên tố có một chữ số.
- Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: -8 ; 0 ; 6 ; -4 ; 12 .
- Viết tập hợp A các U(10)

Câu 2. (1,5 điểm). Tính giá trị của biểu thức

a) $700 + \{5 \cdot [80 : (6 - 4 \cdot 5^0)] - 10^2\}$

b) $16.3 + 7^{16} : 7^{14}$.

Bài 3. (1,75 điểm)

a) Tìm x biết $x - 28 = 8 \cdot (-5)$.

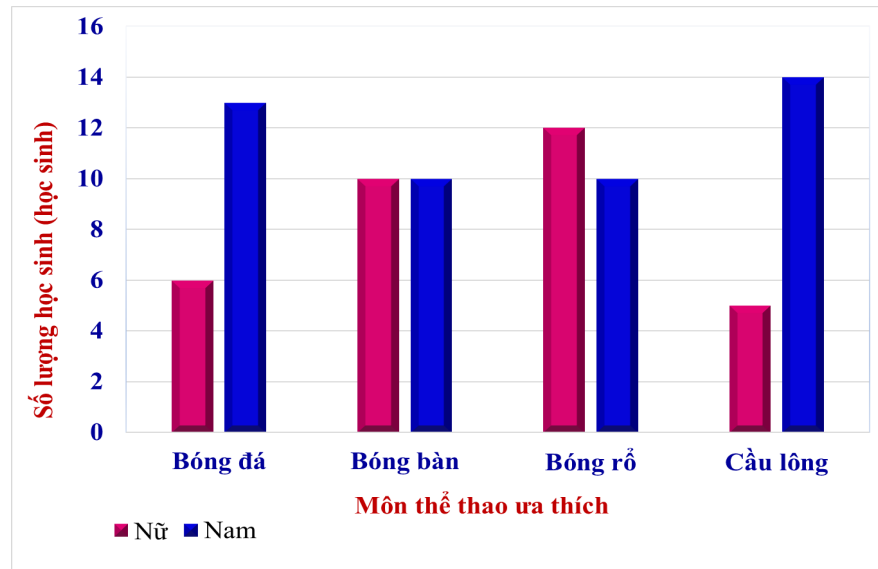
b) Ba con tàu cập bến theo các cách như sau: Tàu thứ nhất cứ 15 ngày cập bến một lần, tàu thứ 2 cứ 20 ngày cập bến một lần, tàu thứ 3 cứ 12 ngày cập bến một lần. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày cả ba tàu lại cập bến cùng nhau.

Bài 4: (1,25 điểm). Một lối đi hình chữ nhật có chiều dài là 12m và chiều rộng là 2m.

Người ta lát gạch lên lối đi, chi phí có mỗi mét vuông lát gạch là 100 000 đồng. Hỏi chi phí để làm lối đi là bao nhiêu.

Bài 5: (1,0 điểm)

Cho biểu đồ cột kép biểu diễn mức độ yêu thích các môn thể thao của học sinh lớp 6A:



Từ biểu đồ trên em hãy cho biết:

a/ Học sinh nam thích môn thể thao nào nhất?

b/ Môn thể thao nào học sinh nữ thích nhiều hơn học sinh nam và nhiều hơn bao nhiêu bạn?

----- Hết -----

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	A	C	C	B	A	D	B	A	B	A	C	D

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
1a (0,5đ)	Các số nguyên tố có một chữ số là: 2; 3; 5; 7.	0,5
1b (0,5đ)	- 8; - 4; 0; 6; 12	0,5
1c (0,5đ)	$A = \{ - 10; - 5; - 2; - 1; 1; 2; 5; 10 \}$	0,5
2a (1,0đ)	$700 + \{ 5 \cdot [80 : (6 - 4 \cdot 5^0)] - 10^2 \}$ $= 700 + \{ 5 \cdot [80 : (6 - 4)] - 10^2 \}$ $= 700 + \{ 5 \cdot [80 : 2] - 10^2 \}$ $= 700 + \{ 5 \cdot 40 - 10^2 \}$ $= 700 + \{ 200 - 100 \}$ $= 700 + 100$ $= 800$	0,5 0,5
2b	$16.3 + 7^{16} : 7^{14}$ $= 48 + 7^2$ $= 48 + 49$ $= 97$	0,5
3a (0,5đ)	$x - 28 = 8 \cdot (-5)$ $x - 28 = -40$ $x = -40 + 28$ $x = -12$	0,5
3b (1,25đ)	Gọi x là số ngày cần tìm ($x \in \mathbb{N}^*$) Ta có : $x : 15; x : 20; x : 12$ và x nhỏ nhất Nên x là BCNN (15 ; 20; 12) $15 = 3 \cdot 5 \quad ; \quad 20 = 2^2 \cdot 5 \quad ; \quad 12 = 2^2 \cdot 3$ $\text{BCNN}(15; 20; 12) = 2^2 \cdot 3 \cdot 5 = 60$ $\Rightarrow x = 60$ Vậy sau ít nhất 60 ngày thì ba con tàu cập bến cùng nhau	0,5 0,5 0,25
4 (1,25đ)	Diện tích lối đi là: $12 \cdot 2 = 24 \text{ (m}^2\text{)}$ Chi phí để làm lối đi là: $24 \cdot 100000 = 2\,400\,000 \text{ (đồng)}$	0,5 0,5

5a (0,5đ)	a/ Học sinh nam thích môn cầu lông nhất	0,5
5b (0,5đ)	b/ Học sinh nữ thích môn bóng rổ thích bóng rổ nhiều hơn học sinh nam là: 12 – 10 = 2 (học sinh)	0,5

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm) Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

Câu 1. Kết quả của 3^4 là:

- A. 7
B. 12
C. 81
D. 64

Câu 2. Trong các số 225; 741; 1203; 6723. Số vừa chia hết cho 3, vừa chia hết cho 9 là:

- A. 225
B. 741
C. 1203
D. 6723

Câu 3. Số đối của $-(-145)$ là:

- A. 145
B. -145
C. 154
D. $-(-145)$

Câu 4. Tập hợp tất cả các ước số nguyên của 6 là:

- A. $Ư(6) = \{1; 2; 3; 6\}$
B. $Ư(6) = \{-6; -3; -2; -1; 1; 2; 3; 6\}$
C. $Ư(6) = \{-1; -2; -3; -6\}$
D. $Ư(6) = \{-6; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; 6\}$

Câu 5. Biển báo nào sau đây là hình tam giác đều?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1
B. Hình 3

- C. Hình 2
D. Hình 4

Câu 6. Trong hình bình hành thì:

- A. Hai đường chéo vuông góc với nhau.
B. Hai đường chéo bằng nhau.

trung điểm của mỗi đường.

D. Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của

C. Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại mỗi đường

Câu 7. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	0	2	9	7	8	7	6	2

Số học sinh đạt điểm Giỏi (từ điểm 8 trở lên) là:

A. 8

C. 15

B. 13

D. 9

Câu 8. Cửa hàng bán kem thu thập thông tin số ly kem bán được trong một ngày bằng bảng dữ liệu sau:

Loại kem	Vani	Socola	Dừa	Dâu	Sầu riêng	Việt quất	Mơ chua
Số kem bán được	10	15	30	5,7	8	-9	0

Các thông tin không hợp lí trong bảng dữ liệu trên là:

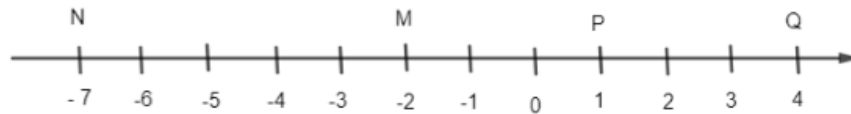
A. 5,7; -9

C. 5,7

B. -9

D. 0

Câu 9. Trên hình vẽ, điểm M, N, P, Q biểu diễn các số nguyên



A. -7; -2; 1; 4

C. 4; 1; -2; -4

B. -2; -7; 1; 4

D. 1; 4; -7; -2

Câu 10. Thực hiện phép tính $(-49).36-64.49$

A. -4900

C. 1372

B. 4900

D. -1372.

Câu 11. Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số lượng sách giáo khoa lớp 6 bán được tại một hiệu sách vào ngày Chủ nhật vừa qua. Tổng số cuốn sách giáo khoa lớp 6 mà hiệu sách bán được trong ngày Chủ nhật vừa qua là bao nhiêu cuốn?

Toán	      
Ngữ văn	   
Tin học	 
Lịch sử và Địa lí	 
Khoa học tự nhiên	     

(Mỗi  ứng với 9 cuốn sách)

A. 189

C. 190

B. 210

D. 180

Câu 12. : Anh Bình vào siêu thị mua 2 chiếc áo phông giá 150 000 đồng/chiếc; 2 chiếc quần soóc giá 115 000 đồng/chiếc; 5 chiếc khăn mặt giá 21 000 đồng/chiếc. Anh đã trả bằng hai phiếu mua hàng, mỗi phiếu trị giá 100 000 đồng. Anh Sơn còn phải trả thêm bao nhiêu tiền?

A. 635000đ

B. 535000đ

C. 200000đ

D. 435000đ

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- Liệt kê các số nguyên tố trong phạm vi từ 10 đến 20
- Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: -8 ; 0 ; 4 ; -2 ; -6
- Viết tập hợp A gồm các ước nguyên của 10

Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

- $4^{56} : 4^{53} - 3 \cdot 2023^0 + 1^{2024} \cdot 6$
- $150 : \{10^2 - [(6^2 \cdot 3 + 17) : 5]\}$

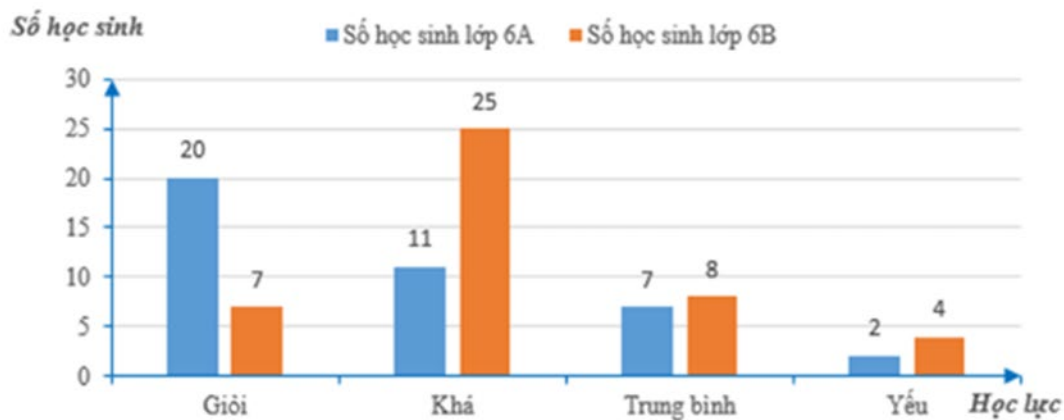
Câu 3. (1,75 điểm):

- Tìm x biết $x + 5 = 5 \cdot (-2)$
- Ba bạn An, Bình và Châu cùng tham gia câu lạc bộ Toán học. Bạn An cứ 4 ngày lại đến câu lạc bộ một lần, bạn Bình cứ 6 ngày lại đến câu lạc bộ một lần, bạn Châu cứ 8 ngày lại đến câu lạc bộ một lần. Vào ngày 26 tháng 11, ba bạn cùng đến câu lạc bộ. Hỏi lần tiếp theo ba bạn cùng đến câu lạc bộ là ngày nào?

Câu 4. (1,25 điểm) Một mảnh vườn có dạng hình chữ nhật với độ dài hai cạnh là 12 m và 8 m.

- Em hãy tính diện tích mảnh vườn đó.
- Người ta muốn làm một hàng rào quanh khu vườn. Biết giá rào là 80 000đ/m và phần để làm cổng rộng 3m. Hỏi chi phí làm rào là bao nhiêu?

Câu 5. (1,0 điểm) Biểu đồ cột kép dưới đây biểu diễn xếp loại học lực (Giỏi, Khá, Trung bình, Yếu) của khối lớp 6 tại của một trường có hai lớp 6A và 6B.



a) Học lực nào của lớp 6A và lớp 6B có nhiều học sinh nhất?

b) Tổng số học sinh của lớp 6A và 6B là bao nhiêu?

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I – TOÁN 6

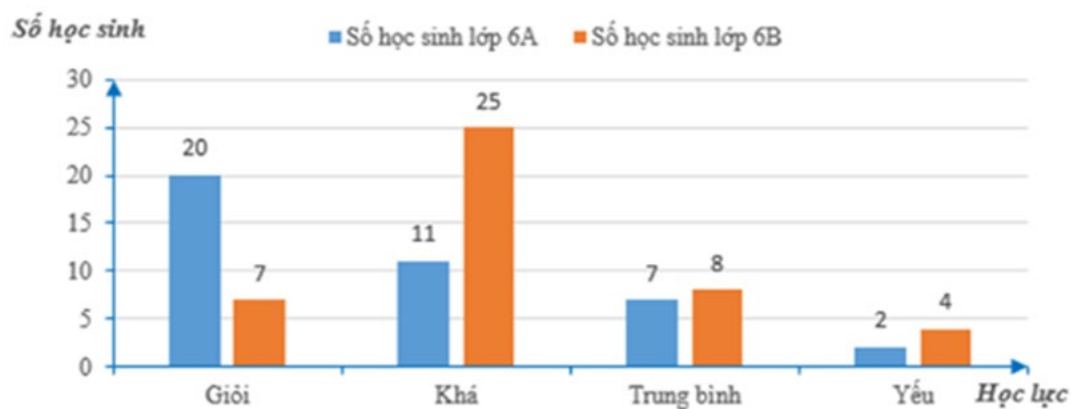
PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	C	D	B	B	C	D	C	A	B	A	A	D

PHẦN II. TỰ LUẬN:

Bài	Đáp án	Điểm
1	Bài 1 (1,5 điểm) a) (0,5 điểm) (NB) Các số nguyên tố trong phạm vi từ 10 đến 20 b) (0,5 điểm) (TH) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: -8; 0; 4; -2; -6 c) (0,5 điểm) (TH) Viết tập hợp A gồm các ước nguyên của 10	
1a	Các số nguyên tố trong phạm vi từ 10 đến 20 là 11; 13; 17; 19	0,5
1b	Sắp xếp theo thứ tự giảm dần là 4; 0; -2; -6; -8	0,5
1c	$A = \{-10; -5; -2; -1; 1; 2; 5; 10\}$	
2	Bài 2 (1,5 điểm) (VD) Thực hiện phép tính: a) $4^{56} : 4^{53} - 3 \cdot 2023^0 + 1^{2024} \cdot 6$ b) $150 : \{10^2 - [(6^2 \cdot 3 + 17) : 5]\}$	
2a	$4^{56} : 4^{53} - 3 \cdot 2023^0 + 1^{2024} \cdot 6$ $= 4^3 - 3 \cdot 1 + 1 \cdot 6$ $= 64 - 3 + 6$ $= 67$	0,25 0,25 0,25
2b	$150 : \{10^2 - [(6^2 \cdot 3 + 17) : 5]\}$ $= 150 : \{100 - [(36 \cdot 3 + 17) : 5]\}$ $= 150 : \{100 - [125 : 5]\}$ $= 150 : 75 = 2$	0,25 0,25 0,25
3	Bài 3 (1,5 điểm) a. (TH) Tìm x biết $x + 5 = 5 \cdot (-2)$ b. (VDC) Ba bạn An, Bình và Châu cùng tham gia câu lạc bộ Toán học. Bạn An cứ 4 ngày lại đến câu lạc bộ một lần, bạn Bình cứ 6 ngày lại đến câu lạc bộ một lần, bạn Châu cứ 8 ngày lại đến câu lạc bộ một lần. Vào ngày 26 tháng 11, ba bạn cùng đến câu lạc bộ. Hỏi lần tiếp theo ba bạn cùng đến câu lạc bộ là ngày nào?	

3a	$x + 5 = 5.(-2)$ $x + 5 = -10$ $x = -10 - 5$ $x = -15$	0,5 0,25 0,25
3b	Gọi x là số ngày ít nhất ba bạn cùng đi đến câu lạc bộ ($x \in \mathbb{N}^*$) Theo đề bài ta có: $x : 4, x : 6, x : 8$ và x nhỏ nhất $\Rightarrow x$ là BCNN (4,6,8) Ta có BCNN(4,6,8) = 24 Vậy sau ít nhất 24 ngày thì ba bạn cùng đi đến câu lạc bộ Vậy lần gặp nhau tiếp theo của ba bạn là ngày 20/12	0,25 0,25 0,25
4	Bài 4. (1,25 điểm) Một mảnh vườn có dạng hình chữ nhật với độ dài hai cạnh là 12 m và 8 m. a) (TH) Em hãy tính diện tích mảnh vườn đó. b) (VD) Người ta muốn làm một hàng rào quanh khu vườn. Biết giá rào là 80 000đồng/m và phân để làm cổng rộng 3m. Hỏi chi phí làm rào là bao nhiêu?	
4a	Diện tích khu vườn là: $12.8 = 96 \text{ (m}^2\text{)}$	0,5
4b	Chu vi khu vườn là: $(12+8).2 = 40 \text{ (m)}$ Độ dài hàng rào là: $40 - 3 = 37 \text{ (m)}$ Chi phí làm hàng rào là: $80000. 37 = 2\,960\,000 \text{ (đồng)}$	0,25 0,25 0,25
5	Câu 5 (1,0 điểm) Biểu đồ cột kép dưới đây biểu diễn xếp loại học lực (Giỏi, Khá, Trung bình, Yếu) của khối lớp 6 tại của một trường có hai lớp 6A và 6B.	



a) (VD) Học lực nào của lớp 6A và lớp 6B có nhiều học sinh nhất?

b) (VD) Số học sinh của mỗi lớp là bao nhiêu?

5a	Học lực Giỏi của lớp 6A có nhiều nhất Học lực Khá của lớp 6B có nhiều nhất	0,25 0,25
5b	Tổng số học sinh lớp 6A là: $20 + 11 + 7 + 2 = 40$ (học sinh) Tổng số học sinh lớp 6B là: $7 + 25 + 8 + 4 = 44$ (học sinh)	0,25 0,25

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG THCS BÌNH LỢI TRUNG

ĐỀ THAM KHẢO
(Đề gồm có 03 trang)

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
Môn: TOÁN – Lớp 6
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm)

Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

Câu 1. Cho tập hợp A gồm các ước nguyên của 6?

A. $A = \{-6; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; 6\}$.

B. $A = \{1; 2; 3; 6\}$.

C. $A = \{-1; -2; -3; -6\}$.

D. $A = \{-1; -2; -3; -6; 1; 2; 3; 6\}$.

Câu 2. Cho các số 25; 54; 77; 44. Số chia hết cho 9 là

A. 25.

B. 54.

C. 77

D. 44

Câu 3. Số đối của số 125 là

A. 125

B. $-(-125)$

C. -125

D. 521

Câu 4. Kết quả của phép tính $2^5 : 2^3$ là

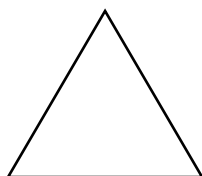
A. 2^5

B. 2^4

C. 2^3

D. 2^2

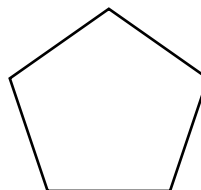
Câu 5. Trong các hình sau, hình nào là tam giác đều?. Biết rằng các cạnh trong mỗi hình bằng nhau.



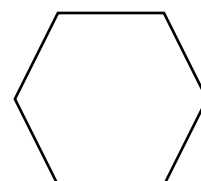
A. Hình 1.



B. Hình 2.



C. Hình 3.



D. Hình 4.

Câu 6. Trong hình thang cân

A. Hai đường chéo bằng nhau.

B. Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.

C. Hai đường chéo song song.

D. Hai đường chéo song song và cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.

Câu 7. Danh sách học tham gia đội văn nghệ của lớp 6A6.

STT	Họ và tên
1	Đặng Hoàng Phi Long
2	Nguyễn Trọng Nhân
3	12/7 Nơ Trang Long Phường 12
4	Nguyễn Tuấn Anh

Bạn số mấy cung cấp thông tin không hợp lí?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4

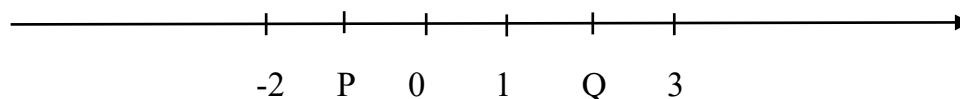
Câu 8. Kết quả kiểm tra thường xuyên môn Toán của học sinh lớp 6A9 được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	1	0	3	8	8	9	4	6	4

Số học sinh đạt điểm trung bình trở lên (từ điểm 5 trở lên) là:

- A.8 B.43 C.39 D.4

Câu 9. Các điểm P và Q ở hình sau đây biểu diễn các số nguyên nào?



- A. -1 và 2 B. -1 và -2 C. 1 và 2 D. 1 và -2

Câu 10. Thực hiện phép tính $198.10 - 98.10$

- A. 100 B. 200 C. 1000 D. 2000

Câu 11. Cho biểu đồ sau xã C nhiều hơn

Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số máy cày của 5 xã.

xã E bao nhiêu máy cày

- A. 1 máy cày
B. 2 máy cày
C. 10 máy cày
D. 20 máy cày

Xã	Số máy cày
Xã A	     
Xã B	     
Xã C	  
Xã D	    
Xã E	 

( = 10 máy cày;  = 5 máy cày)

Câu 12. Bạn Thiên Đức đi mua: 3 cây bút bi, 2 quyển sách và 20 quyển tập. Biết giá mỗi cây bút là 4 000 đồng, sách giá 30 000 đồng và tập giá 7 000đ mỗi quyển. Bạn Thiên Đức mang theo 200 000 đồng. Bạn Thiên Đức thừa hay thiếu bao nhiêu tiền ?

- A. Thừa 10 000đ B. Thiếu 10 000đ C. Thiếu 12 000đ D. Thừa 12 000đ

II. TỰ LUẬN : (7,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- a) Liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 13.
b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần: 300 ; -25 ; 0 ; 17 ; -100 ; -1.
c) Viết tập hợp các ước tự nhiên của 18.

Câu 2. (1,5 điểm)

- a) (0,75đ) Tính $2^{2024} : 2^{2023} + 3^2.5 - 2023^0$
b) (0,5đ) Tính giá trị của biểu thức: $100 - \{200 : [31 - 3.(12 - 5)] - 10\}$

Câu 3: (1,75 điểm)

- a) (0,75đ) Tìm x, biết: $4.x + 6 = -10$

b) (1đ) Số học sinh của lớp 6A6 khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 6, đều vừa đủ. Tính số học sinh của lớp 6A biết rằng số học sinh trong khoảng 40 đến 45 em.

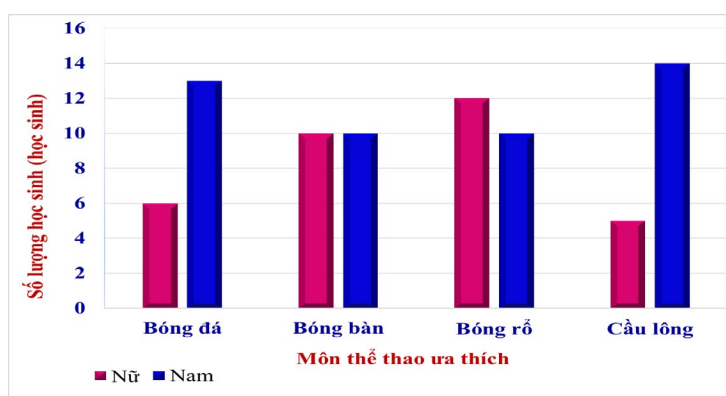
Câu 4. (1,25 điểm) Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 50m, chiều rộng 40m.

a) (0,5đ) Tính diện tích khu vườn đó?

b) (0,75đ) Cho biết cứ 4m^2 đất rải đủ hết 1 túi hạt giống. Hỏi nếu rải hạt giống cả mảnh vườn này thì cần bao nhiêu túi hạt giống?

Bài 5: (1,0 điểm)

Cho biểu đồ cột kép biểu diễn mức độ yêu thích các môn thể thao của học sinh lớp 6A6:



Từ biểu đồ trên em hãy cho biết:

a/ Học sinh nữ thích môn thể thao nào nhất?

b/ Môn thể thao nào học sinh nam thích nhiều hơn học sinh nữ và nhiều hơn bao nhiêu bạn?

- Chúc các em làm bài thật tốt ! -

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm: mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	B	C	D	A	A	C	C	A	C	C	C

II. Tự luận

Câu		Nội dung	Điểm
1	a	2, 3, 5, 7, 11	0,5
	b	Thứ tự tăng dần là: -100, -25, -1, 0, 17, 300	0,5
	c	$U(18) = \{1; 2; 3; 6; 9; 18\}$	0,5
2	a	$2^{2024} : 2^{2023} + 3^2 \cdot 5 - 2023^0$ $= 2 + 9 \cdot 5 - 1$ $= 2 + 45 - 1$ $= 46$	0,75 0,25 0,25 0,25
	b	$100 - \{200 : [31 - 3 \cdot (12 - 5)] - 10\}$ $= 100 - \{200 : [31 - 3 \cdot 7] - 10\}$ $= 100 - \{200 : [31 - 21] - 10\}$ $= 100 - \{200 : 10 - 10\}$ $= 100 - \{20 - 10\}$ $= 100 - 10$ $= 90$	0,5 0,25 0,25
3	a	$4 \cdot x + 6 = -10$ $4 \cdot x = -10 - 6$ $4 \cdot x = -16$ $x = -4$	0,75 0,25 0,25 0,25
	b	Số học sinh lớp 6A6 là BC (2,3,6) $BCNN(2,3,6) = 6$ $BC(2,3,6) = B(6) = \{0; 6; 12; 18; 24; 30; 36; 42; 48 \dots\}$ Vì số học sinh lớp 6A6 từ 40 đến 45 em nên số học sinh lớp 6A6 là 42 em	1 0,25 0,25 0,25 0,25
4	a	Diện tích khu vườn là: $50 \cdot 40 = 2000 \text{ (m}^2\text{)}$	0,5
	b	Số túi hạt giống là: $2000 : 4 = 500$ túi	0,25
5	a	Học sinh nữ thích môn bóng rổ nhất.	0,5
	b	Số học sinh nam thích môn cầu lông hơn học sinh nữ: $14 - 5 = 9$ em Số học sinh nam thích môn bóng đá hơn học sinh nữ: $13 - 6 = 7$ em	0,25 0,25

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm) Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

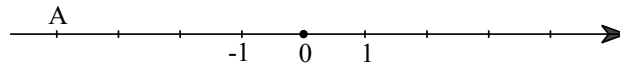
Câu 1. Trong các số sau, số nào là số nguyên tố ?

- A. 13 B. 14 C. 15 D. 16

Câu 2. Khẳng định nào dưới đây sai ?

- A. Số đối của số 8 là -8. B. Số đối của - 2023 là - (-2023).
C. Số đối của 10 là -(-10). D. Số đối của 0 là 0.

Câu 3. Điểm A trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?

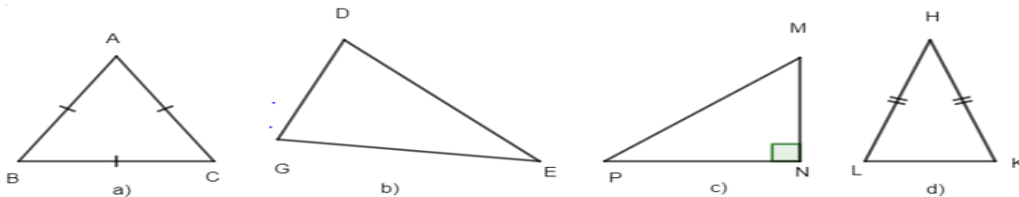


- A. 3 B. 4 C. -4. D. -5.

Câu 4. Trong các số sau, số nào là ước của 12:

- A. 24 B. 8 C. 6 D. 0

Câu 5. Trong các hình sau đây, hình nào là tam giác đều?



- A. Hình a . B. Hình b . C. Hình c . D. Hình d .

Câu 6. Yếu tố nào sau đây không phải của hình thoi ?

- A. Hai cặp cạnh đối diện song song B. Hai đường chéo vuông góc với nhau
C. Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau D. Hai đường chéo bằng nhau

Câu 7. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	4	1	10	8	7	9	5	1

Số học sinh đạt điểm giỏi (từ 8 điểm trở lên) là:

- A. 9 B. 15 C. 1 D. 5

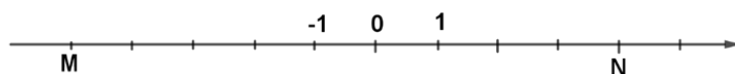
Câu 8. Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không phải là số liệu?

- A. Những môn học có điểm tổng kết trên 8,0 của bạn Nam.
B. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam).

C. Chiều cao trung bình của một số loại cây thân gỗ (đơn vị tính là mét).

D. Số học sinh thích ăn xúc xích.

Câu 9. Trên hình vẽ, điểm M, N biểu diễn các số nguyên



A. -5;4

B. -5;-4

C. 5;4

D. 5;-4

Câu 10. Kết quả của phép tính $(-165) + 35$ bằng

A. -200

B. -130

C. 130

D. 200

Câu 11. Dữ liệu về loại quả yêu thích của các bạn học sinh khối lớp 6 được cho bởi bảng sau:

Loại quả	Số học sinh yêu thích
Táo	
Chuối	
Dứa hấu	
Cam	
Bưởi	

( = 10 học sinh;  = 5 học sinh)

Hình 3

Em hãy cho biết tổng số học sinh lớp 6 là bao nhiêu?

A. 25

B. 245

C. 250

D. 24,5

Câu 12. Số 99 000 000 được viết dưới dạng tích một số với một lũy thừa của 10 là:

A. $990 \cdot 10^7$ người.

B. $990 \cdot 10^6$ người.

C. $99 \cdot 10^7$ người.

D. $99 \cdot 10^6$ người.

Phần 2: Tự luận (7,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

- Liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 10.
- Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: -24; 9; 0; -15.
- Viết tập hợp các ước tự nhiên của 18.

Bài 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

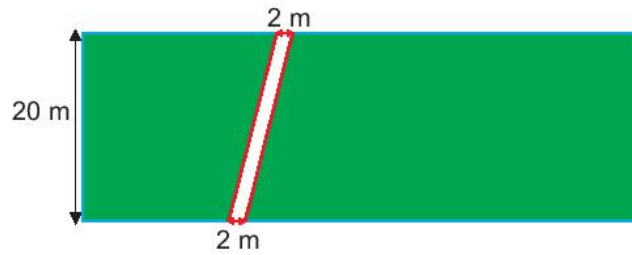
- $5^6 : 5^4 - 1^{2021} + 11 \cdot 3^0$
- $150 : \{ -163 + [-7 + (-24) \cdot (-5)] \} + 3^2 \cdot 4$

Bài 3: (1,75 điểm)

- Tìm x biết: $x - 17 = 8 \cdot (-3)$

b) Số học sinh của lớp 6A khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 4, đều vừa đủ. Tính số học sinh của lớp 6A biết rằng số học sinh trong khoảng 30 đến 40 em.

Bài 4. (1,25 điểm) Trong một khu vườn hình chữ nhật, người ta làm một lối đi hình bình hành với các kích thước như hình vẽ sau.

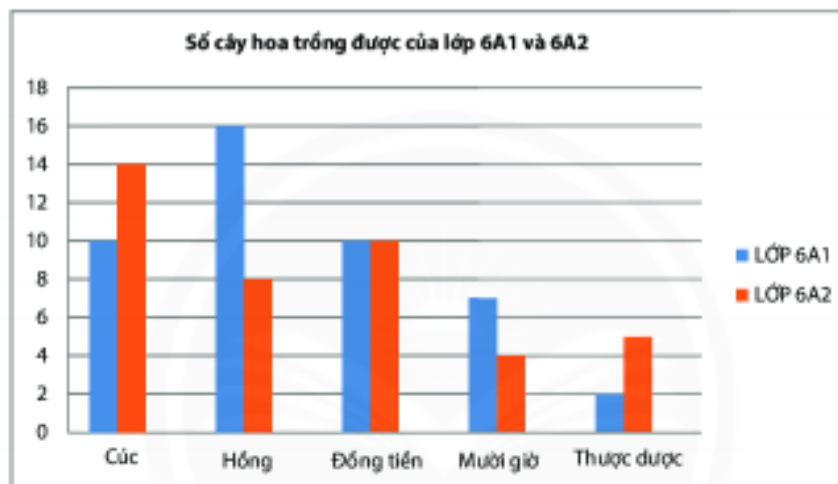


a) Em hãy tính diện tích của lối đi.

b) Ông Ba muốn lát sỏi cho lối đi. Chi phí cho mỗi mét vuông làm lối đi hết 120 nghìn đồng. Hỏi chi phí để làm lối đi là bao nhiêu?

Bài 5: (1,0 điểm)

Cho biểu đồ cột kép biểu diễn số cây hoa trồng được của học sinh lớp 6A1 và 6A2:



Hình 6

Từ biểu đồ trên em hãy cho biết:

a/ Lớp 6A1 trồng loại hoa nào nhiều nhất?

b/ Hai lớp 6A1 trồng ít hơn lớp 6A2 bao nhiêu cây hoa cúc?

----- **Hết** -----

ĐÁP ÁN:

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	A	C	C	C	A	D	B	A	A	B	C	D

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
1a (0,5đ)	Các số nguyên tố nhỏ hơn 10 là: 2; 3; 5; 7.	0,5
1b (0,5đ)	-24; -15; 0; 9.	0,5
1c (0,5đ)	$U(18) = \{1; 2; 3; 6; 9; 18\}$	0,5
2a (0,75đ)	$5^6 : 5^4 - 1^{2021} + 11 \cdot 3^0$ $= 5^2 - 1 + 11 \cdot 1$ $a) = 25 - 1 + 11$ $= 24 + 11$ $= 35$	0,5 0,25 0,25 0,25
2b (0,75đ)	$b) 150 : \{-163 + [-7 + (-24) \cdot (-5)]\} + 3^2 \cdot 4$ $= 150 : \{-163 + [-7 + 120]\} + 9 \cdot 4$ $= 150 : \{-163 + 113\} + 36$ $= 150 : (-50) + 36$ $= -3 + 36$ $= 33$	0,5 0,25 0,25 0,25
3a (0,75đ)	$a) x - 17 = 8 \cdot (-3).$ $x - 17 = -24$ $x = -24 + 17$ $x = -7$	0,25 0,25 0,25 0,25
3b (0,75đ)	b) Số học sinh của lớp 6A khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 4, đều vừa đủ. Tính số	

d)	học sinh của lớp 6A biết rằng số học sinh trong khoảng 30 đến 40 em. Số học sinh của lớp 6A khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 4, đều vừa đủ nên số học sinh lớp 6A là bội chung của 2,3,4 $BCNN(2,3,4) = 12$ $BC(2,3,4) = B(12) = \{0; 12; 24; 36; 48; \dots\}$ Vì số học sinh nằm trong khoảng 30 đến 40 học sinh Nên số học sinh lớp 6A là 36 học sinh	
4a (0,75đ)	a/ Diện tích của của lối đi là: $2.20 = 40 \text{ (m}^2\text{)}$	0,5
4b (0,5đ)	b/ Tổng số tiền để làm lối đi là: $40.120000 = 4800000 \text{ (đồng)}$	0,75
5a (0,5đ)	a/ Lớp 6A1 trồng hoa hồng nhiều nhất.	0,5
5b (0,5đ)	b/ Số cây hoa cúc lớp 6A1 trồng ít hơn lớp 6A2 là: $14 - 10 = 4 \text{ (cây)}$	0,5

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6 (2023-2024)

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên (24 tiết)	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	1 (TN1) 0,25		1 (TN12) 0,25						32,5
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	1 (TN2) 0,25	3 (TL1, 2, 3) 1,5						1 (TL7) 1	
2	Số nguyên (15 tiết)	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	1 (TN3) 0,25		1 (TN9) 0,25						32,5
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	1 (TN4) 0,25		1 (TN10) 0,25	1 (TL6) 0,75		2 (TL4, 5) 1,5			
3	Các hình phẳng trong thực tiễn (10 tiết)	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1 (TN5) 0,25								17,5
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1 (TN6) 0,25			1 (TL8) 0,75		1 (TL9) 0,5			
4	Một số yếu tố thống kê. (10 tiết)	Thu thập và tổ chức dữ liệu.	2 (TN7,8) 0,5								17,5
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.		1 (TL10) 0,5	1 (TN11) 0,25	1 (TL11) 0,5					
Tổng: Số câu Điểm			8 2,0	4 2,0	4 1	3 2		3 2		1 1,0	10 10,0
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN TOÁN LỚP 6

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Số học: -Tập hợp	-Phần tử thuộc, không thuộc tập hợp.	Liệt kê các phần tử	1	1		
	- Thực hiện phép tính (Tính hợp lý nếu có thể)	-Dùng tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng. - Thực hiện phép tính có nhiều ngoặc.	- Tính hợp lý - Tính có nhiều ngoặc - Các phép tính với số nguyên.	1	1		
		-Tìm x đơn giản -Bài toán về BC	-Tìm x đơn giản - Toán thực tế về BC	1	1	1	
2	- Hình học	Cách tính chu vi ,diện tích một số hình	Các vấn đề trong thực tế cuộc sống thường gặp.				1
		Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân	Nhật biết các hình và đặc điểm	1			
3	Một số yếu tố thống kê.	- Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.	- Hãy lập bảng thống kê tương ứng. - Vẽ biểu đồ cột			1	
3	Tổng số câu			4	6		1
4	Tỉ lệ			40%	30%	20%	10%

5	Tổng số điểm			4đ	3đ	2đ	1đ
---	--------------	--	--	----	----	----	----

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm) Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

Câu 1. Kết quả của 3^5 là:

A. 432

C. 234

B. 81

D. 243

Câu 2. Trong các số 503; 981; 4174; 1205. Số chia hết cho 9 là:

A. 981

C. 503

B. 1205

D. 4174

Câu 3. Số đối của 452 là:

A. 452

C. $-(-452)$

B. -452

D. 245

Câu 4. Khẳng định nào sau đây là đúng ?

A. $16 \in BC(5, 6)$

B. $16 \in BC(2, 9)$

C. $16 \in BC(2, 4, 6)$

D. $16 \in BC(4, 8, 16)$

Câu 5. Hãy đếm xem hình dưới đây có bao nhiêu hình thang cân, bao nhiêu hình lục giác đều.

A. 6 hình thang cân và 1 lục giác đều.

B. 5 hình thang cân và 1 lục giác đều.

C. 6 hình thang cân và 2 lục giác đều.

D. 5 hình thang cân và 2 lục giác đều.



Câu 6. Yếu tố nào sau đây không phải của hình chữ nhật?

A. Hai đường chéo bằng nhau

C. Hai cạnh đối song song

B. Hai đường chéo vuông góc

D. Hai góc đối bằng nhau

Câu 7. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	0	1	7	8	12	5	10	5

Số học sinh đạt điểm Giỏi (từ điểm 9 trở lên) là:

A. 15

C. 16

B. 20

D. 10

Câu 8: Bảng thống kê các bộ phim yêu thích của các học sinh lớp 6A3:

Loại phim	Hoạt hình	Lịch sử	Khoa học	Ca nhạc	Trinh thám
Số bạn yêu thích	11,5	6	4	-7	8

Các thông tin không hợp lí trong bảng dữ liệu trên là:

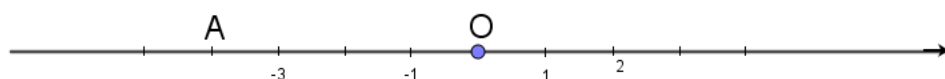
A. 6

C. 11,5

B. -7

D. 11,5; -7

Câu 9. Điểm A trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?



A. 3

B. 4

C. -4.

D. -5.

Câu 10. Thực hiện phép tính $(-123).53+47.(-123)$

A. -100

C. -12300

B. 12300

D. -123.

Câu 11. Cho bảng dữ liệu sau:

Em hãy cho ngày thứ mấy trong tuần số học sinh đạt điểm toán nhiều nhất ?

A. Thứ 2

C. Thứ 5

B. Thứ 3

D. Thứ 6

Số học sinh khối lớp 6 được điểm 10 Toán trong tuần

Ngày	Số học sinh được 10 điểm môn Toán
Thứ Hai	  
Thứ Ba	 
Thứ Tư	
Thứ Năm	    
Thứ Sáu	  

( = 1 học sinh)

Câu 12: Nhóm bạn Lan dự định thực hiện một kế hoạch nhỏ với số tiền cần có là 200000 đồng. Hiện tại các bạn đang có 80000 đồng. Các bạn thực hiện gây quỹ thêm bằng cách thu lượm và bán giấy vụn, mỗi tháng được 20000 đồng. Số tiền còn thiếu cần phải thực hiện gây quỹ trong mấy tháng

A. 6 tháng

C. 4 tháng

B. 8 tháng

D. 10 tháng

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- Liệt kê các bội của 5 nhỏ hơn 20.
- Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: -34; 19; 0; -6.
- Viết tập hợp B gồm các ước tự nhiên của 25

Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

- $6^{108} : 6^{106} + 2022^0 - 2^3 : 8$
- $500 - \{-5 \cdot [409 - (21 - 2^3 \cdot 3)^2] - 1724\}$

Câu 3. (1,75 điểm):

- Tìm x biết $x + 10 = 45 \cdot (-3)$.
- Số học sinh của lớp 6A khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 4 đều vừa đủ. Tính số học sinh của lớp 6A biết rằng số học sinh trong khoảng từ 30 – 40 em.

Câu 4. (1,25 điểm) Một nền nhà hình chữ nhật có chiều rộng là 4m và chiều dài là 16m.

- Tính diện tích nền nhà đó?
- Bác Năm dự định lát nền bằng những viên gạch hình vuông có cạnh 0,8 m². Hỏi cần dùng bao nhiêu viên gạch để có thể lát kín nền nhà?

Câu 5. (1,0 điểm) Điều tra về số điểm môn Toán giữa kì 1 của 40 bạn lớp 6A thu được bảng dữ liệu ban đầu sau:

9	7	10	8	10	10	9	5	10	9
10	6	9	10	6	6	9	6	10	9
8	10	5	9	7	8	8	9	8	10
10	9	4	6	4	9	10	10	10	10

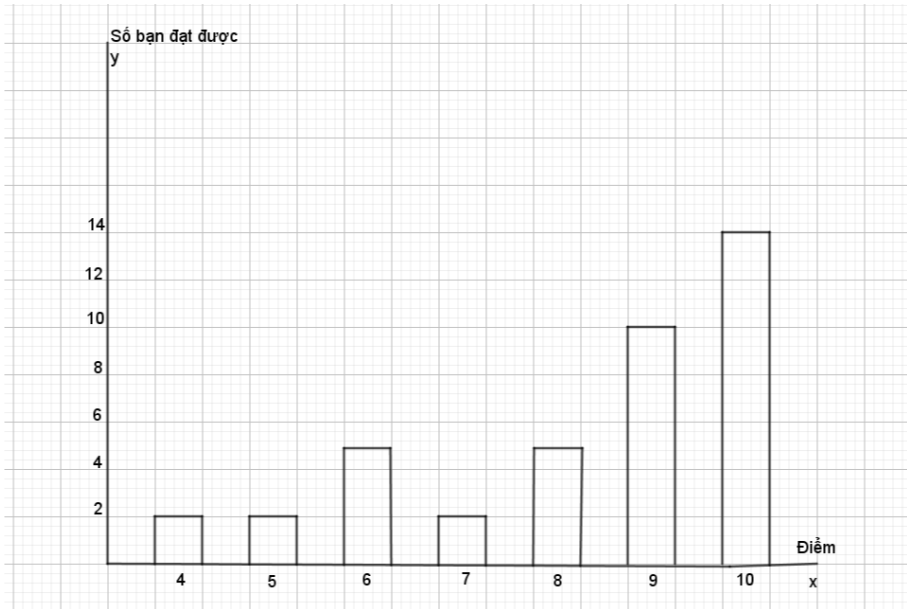
- Hãy lập bảng thống kê tương ứng.
- Vẽ biểu đồ cột

ĐÁP ÁN:**I. TRẮC NGHIỆM:** (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	D	A	B	D	C	B	A	D	C	C	C	A

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
1a (0,5đ)	Các bội của 5 nhỏ hơn 20 là : 0;5;10;15.	0,5
1b (0,5đ)	19; 0; -6; -34	0,5
1c (0,5đ)	$U(25) = \{1; -1; 5; -5; 25; -25\}$	0,5
2a (0,75đ)	$6^{108} : 6^{106} + 2022^0 - 2^3 : 8$ $= 6^2 + 1 - 8:8$ $= 36 + 1 - 1$ $= 37 - 1$ $= 36$	0,5 0,25
2b (0,75đ)	$500 - \{-5 \cdot [409 - (21 - 2^3 \cdot 3)^2] - 1724\}$ $= 500 - \{-5 \cdot [409 - (21 - 8 \cdot 3)^2] - 1724\}$ $= 500 - \{-5 \cdot [409 - (21 - 24)^2] - 1724\}$ $= 500 - \{-5 \cdot [409 - (-3)^2] - 1724\}$ $= 500 - \{-5 \cdot [409 - 9] - 1724\}$ $= 500 - \{-5 \cdot 400 - 1724\}$ $= 500 - \{-2000 - 1724\}$ $= 500 - (-3724)$ $= 4224$	0,25 0,25 0,25 0,25
3a (0,75đ)	Tìm x biết $x + 10 = 45 \cdot (-3)$. $x + 10 = -135$ $x = -135 - 10$ $x = -145$	0,25 0,25 0,25

3b (1,0đ)	Gọi x là số học sinh lớp 6A Ta có: $x \in BC (2;3;4)$ $BCNN (2;3;4) = 12$ $BC (2;3;4) = B(12) = \{ 0 ; 12; 24; 36; 48 ;... \}$ $x = 36$ Vậy lớp 6A có 36 học sinh	0,25 0,25 0,25 0,25																
4a (0,5đ)	Diện tích nền nhà hình chữ nhật là: $4.16 = 64$	0,5																
4b (1đ)	Số viên gạch cần để lát nền nhà : $64:(0,8 .0,8) = 100$ viên	1																
5a (0,5đ)	<table><tr><td>Điểm</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>Số bạn đạt được</td><td>2</td><td>2</td><td>5</td><td>2</td><td>5</td><td>10</td><td>14</td></tr></table>	Điểm	4	5	6	7	8	9	10	Số bạn đạt được	2	2	5	2	5	10	14	0,5
Điểm	4	5	6	7	8	9	10											
Số bạn đạt được	2	2	5	2	5	10	14											
5b (0,5đ)	Vẽ biểu đồ cột 	0,5																

Thời gian 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

I. **TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN:** (3,0 điểm) Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

Câu 1. Kết quả của 2^3 là:

- A. 5
- B. 6
- C. 7
- D. 8

Câu 2. Tổng nào sau đây chia hết cho 4.

- A. $32 + 16$
- B. $40 + 6$
- C. $9 + 20$
- D. $12 + 42$

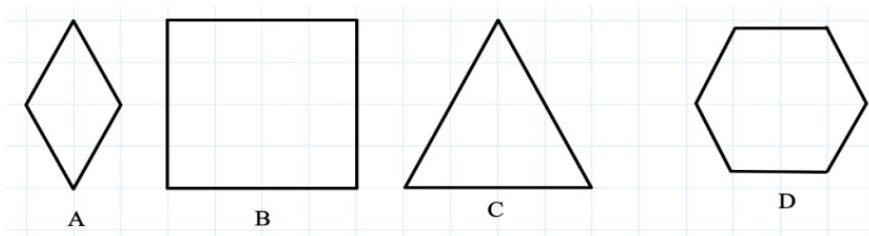
Câu 3. Số đối của $-(-23)$ là:

- A. 23
- B. -23
- C. 32
- D. $-(-23)$

Câu 4. Số nguyên âm bội của 6 là:

- A. 0
- B. 6
- C. -12
- D. -1

Câu 5. Trong các hình sau hình nào là hình tam giác đều:



- A. Hình A
- B. Hình B
- C. Hình C
- D. Hình D

Câu 6. Trong hình chữ nhật thì:

- A. Hai đường chéo vuông góc với nhau.
- B. Hai đường chéo không bằng nhau.
- C. Hai đường chéo song song với nhau.
- D. Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

Câu 7. Cho bảng thu thập nhiệt độ của các học sinh lớp 6A như sau. Học sinh nào có nhiệt độ cơ thể không hợp lý trong bảng dữ liệu.

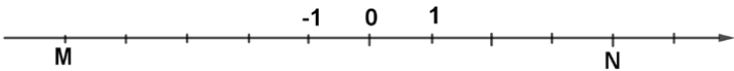
Tên HS	My	Nhân	Lam	Huy	Nguyễn	Phương	Như	Thảo	Tâm
Nhiệt độ(°C)	37	36	36,7	37,5	- 37	37,1	36,5	36,7	37,3

- A. Nhân
- B. Lam
- C. Nguyễn
- D. Tâm.

Câu 8. Tung đồng xu một lần. Bao nhiêu kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 9. Trên hình vẽ, điểm M, N biểu diễn các số nguyên



- A. -5; 4
- B. 5; 4.
- C. 5; -4
- D. -5; -4

Câu 10. Thực hiện phép tính $(-19).36+64.(-19)$

- A. -100
- B. -1900
- C. 1900
- D. -119.

Câu 11. Dữ liệu số máy cày của 5 xã được cho ở bảng sau đây:
Em hãy cho biết xã nào có nhiều máy cày nhất ?

- A. Xã C
- B. Xã B
- C. Xã A
- D. Xã D

Xã	Số máy cày
Xã A	
Xã B	
Xã C	
Xã D	
Xã E	

( = 10 máy cày;  = 5 máy cày)

Câu 12. Bạn An mỗi ngày tiết kiệm được 12 000 đồng để mua máy tính. Sau tám tuần bạn An mua được máy tính trên và dư 8000 đồng. Hỏi máy tính bạn An mua có giá bao nhiêu?

A. 664 000đ

C. 680 000đ

B. 88 000đ

D. 104 000đ

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- Kể tên các số nguyên tố nhỏ hơn 10
- Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần: -2 ; 0 ; -3 ; 4 ; 1
- Viết tập hợp A gồm các ước tự nhiên của 18

Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

- $9^{34} : 9^{32} - 3^2 \cdot 5 + 2023^0$
- $140 : \left\{ -123 + \left[-9 + (-2^5) \cdot (-5) \right] \right\}$

Câu 3. (1,75 điểm):

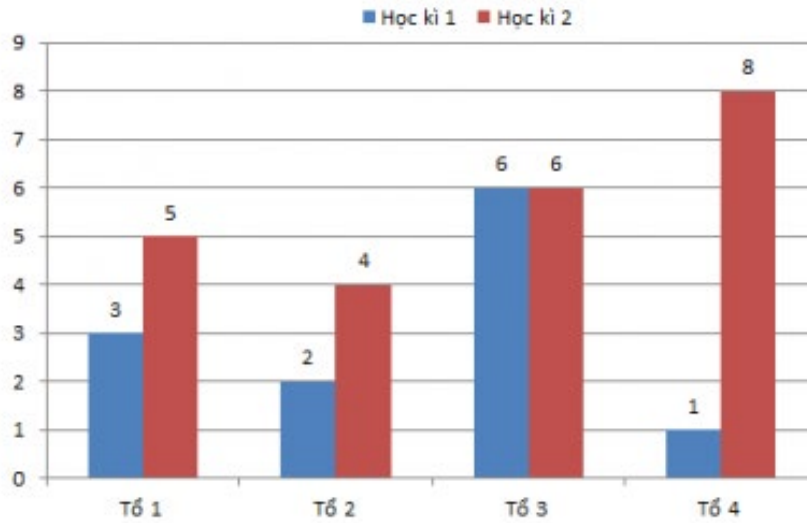
- Tìm x biết $x - 12 = 14$: (-7) .
- Tìm số học sinh khối 6 của một trường biết khi xếp hàng 12, hàng 18, hàng 24 đều vừa đủ không thừa ai và số học sinh này trong khoảng từ 400 đến 500 em.

Câu 4. (1,25 điểm) Nền nhà của Bác Hai có dạng hình chữ nhật với độ dài hai cạnh là 16m và 6m.

- Em hãy tính diện tích của nền nhà đó.
- Bác Hai dự định lát nền bằng những viên gạch hình vuông có diện tích $0,4 \text{ m}^2$. Hỏi cần dùng bao nhiêu viên gạch để có thể lát kín nền nhà?

Câu 5. (1,0 điểm) Cho biểu đồ cột kép biểu diễn số học sinh giỏi của lớp 6A1.

Tình hình số học sinh giỏi của các tổ của lớp 6A1



Từ biểu đồ trên, em hãy cho biết :

- Trong tổ 2, Số học sinh giỏi của học kì nào nhiều hơn ?
- Tính tổng số học sinh giỏi của cả lớp trong học kỳ 2

ĐÁP ÁN ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2023 – 2024

MÔN TOÁN LỚP 6

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
D	A	B	C	C	D	C	B	A	B	C	A

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- a. Kể tên các số nguyên tố nhỏ hơn 10 **0.5**
2; 3; 5; 7 **0.5**
- b. Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần: -2 ; 0 ; -3 ; 4 ; 1 **0.5**
 -3 ; -2 ; 0 ; 1 ; 4 **0.5**
- c. Viết tập hợp A gồm các ước tự nhiên của 18 **0.5**
 $U(18) = \{1; 2; 3; 6; 9; 18\}$ **0.5**

Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

- a. $9^{34} : 9^{32} - 3^2 \cdot 5 + 2023^0$ **0.75**
 $= 9^2 - 9 \cdot 5 + 1$ **0.25**
 $= 81 - 45 + 1$ **0.25**
 $= 37$ **0.25**
- b. $140 : \left\{ -123 + \left[-9 + (-2^5) \cdot (-5) \right] \right\}$ **0.75**
 $= 140 : \left\{ (-123) + [-9 + 160] \right\}$ **0.25**
 $= 140 : \left\{ (-123) + 151 \right\}$ **0.25**
 $= 140 : 28$
 $= 5$ **0.25**

Câu 3. (1,75 điểm):

a) Tìm x biết $x - 12 = 14$: (-7). **0.75**

$$x - 12 = -2 \quad 0.25$$

$$x = -2 + 12 \quad 0.25$$

$$x = 10 \quad 0.25$$

b) Tìm số học sinh khối 6 của một trường biết khi xếp hàng 12, hàng 18, hàng 24 đều vừa đủ không thừa ai và số học sinh này trong khoảng từ 400 đến 500 em. **1**

Gọi x là số HS khối 6

$$x : 12$$

$$x : 18$$

$$x : 24$$

$$\text{Nên } x \in \text{BC} (12; 18; 24) \quad 0.25$$

$$\text{BCNN} (12; 18; 24) = 72 \quad 0.25$$

$$\text{BC} (12; 18; 24) = B(72) = \{0; 72; 144; 216; 288; 360; 432; 504; \dots\} \quad 0.25$$

Do số học sinh có khoảng từ 400 đến 500 nên $x = 432$

Vậy số HS khối 6 của trường là 432 em. **0.25**

Câu 4. (1,25 điểm) Nền nhà của Bác Hai có dạng hình chữ nhật với độ dài hai cạnh là 16m và 6m.

a) Em hãy tính diện tích của nền nhà đó. **0.5**

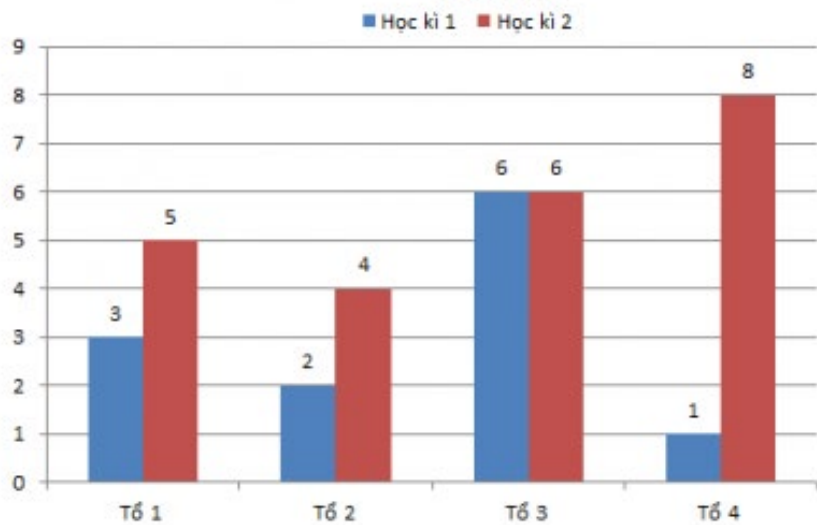
$$\text{Diện tích của nền nhà } 16 \cdot 6 = 96(\text{m}^2) \quad 0.5$$

b) Số viên gạch cần dùng để lát kín nền nhà là **0.75**

$$96 : 0,4 = 240 (\text{viên}) \quad 0.75$$

Câu 5. (1,0 điểm) Cho biểu đồ cột kép biểu diễn số học sinh giỏi của lớp 6A1.

Tình hình số học sinh giỏi của các tổ của lớp 6A1



a) Trong tổ 2, số học sinh giỏi của học kì nào nhiều hơn ?

0.5

Học kì 2

0.5

b) Tính tổng số học sinh giỏi của cả lớp trong học kỳ 2?

0.5

Số học sinh giỏi của cả lớp trong học kỳ 2: $5 + 4 + 6 + 8 = 23$ (hs)

0.5

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THCS NGUYỄN VĂN BÉ

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA CUỐI KÌ I
NĂM HỌC 2023 –2024
MÔN TOÁN LỚP 6
Thời gian 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm) Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

Câu 1. Kết quả của 2^6 là:

- | | |
|-------|-------|
| A. 10 | C. 32 |
| B. 16 | D. 64 |

Câu 2. Trong các số 203; 581; 3174; 1008. Số chia hết cho 9 là:

- | | |
|--------|---------|
| A. 203 | C. 1008 |
| B. 581 | D. 3174 |

Câu 3. Số đối của $-(-452)$ là:

- | | |
|-----------|--------------|
| A. 452 | C. 245 |
| B. -452 | D. $-(-452)$ |

Câu 4. Tập hợp tất cả các ước số nguyên của 6 là:

- | | |
|--|--|
| A. $U(6) = \{-6; -3; -2; -1; 1; 2; 3; 6\}$ | C. $U(6) = \{-1; -2; -3; -6\}$ |
| B. $U(6) = \{-4; -2; -1; 1; 2; 6\}$ | D. $U(6) = \{-6; -3; -1; 0; 1; 3; 6\}$ |

Câu 5. Biển báo nào sau đây là hình chữ nhật.



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- | | |
|-----------|-----------|
| A. Hình 2 | C. Hình 1 |
| B. Hình 4 | D. Hình 3 |

Câu 6. Trong hình thoi thì:

- A. Hai đường chéo vuông góc với nhau.
B. Hai đường chéo bằng nhau.
C. Hai đường chéo song song với nhau.
D. Hai đường chéo vuông góc và cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

Câu 7. Kết quả kiểm tra môn Khoa học tự nhiên của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	1	1	7	5	9	5	7	4

Số học sinh đạt điểm Giỏi (từ điểm 7 trở lên) là:

- A. 15
- C. 25
- B. 14
- D. 11

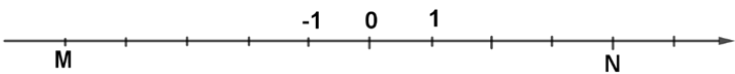
Câu 8. Cửa hàng bán trà sữa thu thập thông tin số ly trà sữa bán được trong một ngày bằng bảng dữ liệu sau:

Loại trà sữa	Truyền thống	vani	caramen	Dâu	Sôcola	Thái	Trân châu
Số ly bán được	22	31	43	24	-10	3,6	0

Các thông tin không hợp lí trong bảng dữ liệu trên là:

- A. 3,6; -10
- C. 3,6
- B. -10
- D. 0

Câu 9. Trên hình vẽ, điểm M biểu diễn các số nguyên



- A. -5; 4
- C. 5
- B. 5; 4.
- D. -5

Câu 10. Thực hiện phép tính $(-125).36+64.(-125)$

- A. -100
- C. 12500
- B. -12500
- D. -125.

Câu 11. Dữ liệu số máy cày của 5 xã được cho ở bảng sau đây: Em hãy cho biết xã nào có số máy cày nhiều thứ 2 ?

- A. Xã D
- B. Xã B
- C. Xã A
- D. Xã C

Xã	Số máy cày
Xã A	    
Xã B	    
Xã C	  
Xã D	   
Xã E	 

( = 10 máy cày;  = 5 máy cày)

Câu 12. Bạn Phương đi siêu thị mua 5 gói mì cùng loại và 8 que kem cùng loại. Biết giá tiền một gói mì là 11 000 đồng. Bạn đưa chị thu ngân 150 000 đồng và được chị trả lại 15 000 đồng. Hỏi giá tiền của 1 que kem mà bạn Phương đã mua là bao nhiêu?

A. 4000đ

C. 10000đ

B. 3000đ

D. 6000đ

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- Liệt kê ba số nguyên tố liên tiếp biết số ở giữa là 31
- Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 32; – 19; 29; – 23
- Viết tập hợp A gồm các ước tự nhiên của 12

Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

- $6^{34} : 6^{32} + 3^2 \cdot 5 - 2024^0$
- $280 : \{ -123 + [-9 + (-8) \cdot (-20)] \} + 3^2 \cdot 4$

Câu 3. (1,75 điểm):

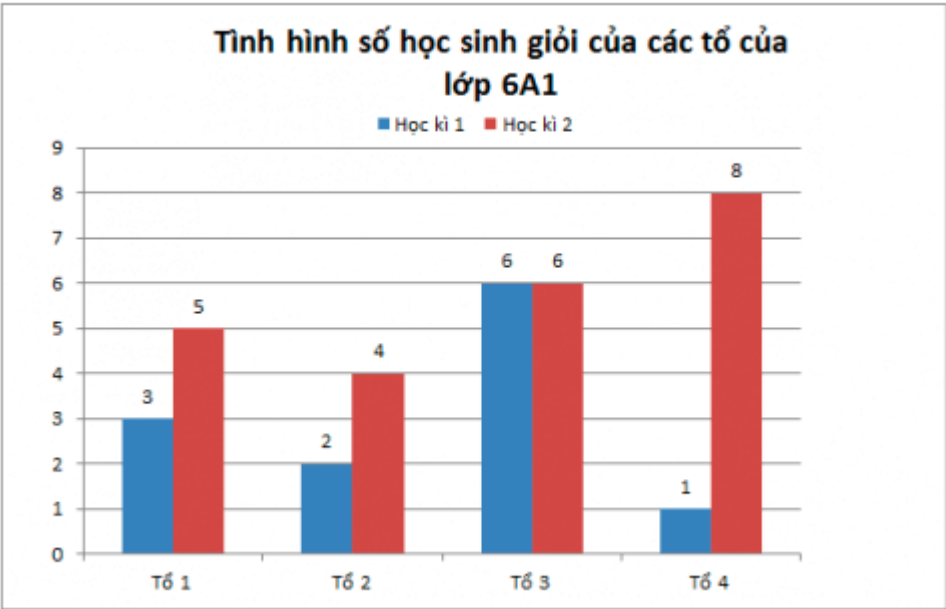
- Tìm x biết $x - 12 = 5 \cdot (-8)$.
- Một trường THCS tổ chức cho học sinh khối 6 đăng ký tham gia tiết học ngoài nhà trường tại bảo tàng Hồ Chí Minh. Trong ngày đi, nhà trường sắp xếp 30 em hay 36 em hay 40 em lên một xe thì đều vừa đủ không thừa học sinh nào. Tính số học sinh khối 6 của trường đăng ký tham gia tiết học biết rằng số học sinh này khoảng 300 đến 400 học sinh.

Câu 4. (1,25 điểm) Một thửa ruộng dùng để trồng lúa có dạng hình chữ nhật với độ dài hai cạnh là 120 m và 80 m.

- Em hãy tính chu vi thửa ruộng đó.
- Cho biết cứ 400 m² đất rải đủ hết 1 túi hạt thóc giống. Hỏi nếu rải hạt giống cả thửa ruộng này thì cần bao nhiêu túi hạt thóc giống?

Câu 5. (1,0 điểm) Cho biểu đồ cột kép biểu diễn số học sinh giỏi của lớp 6A1. Từ biểu đồ trên, em hãy cho biết :

- Trong học kì 1, tổ nào có số học sinh giỏi ít nhất?
- Tính tổng số học sinh giỏi của cả lớp trong học kỳ 2?



---HẾT---

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2022 – 2023

MÔN TOÁN LỚP 6

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
D	C	B	A	D	D	C	A	D	B	B	C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- a. Liệt kê ba số lẻ liên tiếp là số nguyên tố. **0.5**
29, 31, 37 **0.5**
- b. Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: **0.5**
 $-23; -19; 29; 32$ **0.5**
- c. Viết tập hợp A gồm các ước tự nhiên của 12 **0.5**
 $U(12) = \{1; 2; 3; 4; 6; 12\}$ **0.5**

Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

- a. $6^{34} : 6^{32} + 3^2 \cdot 5 - 2024^0$ **0.75**
 $= 6^2 + 9 \cdot 5 - 1$ **0.25**
 $= 36 + 45 - 1$ **0.25**
 $= 80$ **0.25**
- b. $280 : \{-123 + [-9 + (-8) \cdot (-20)]\} + 3^2 \cdot 4$ **0.75**
 $= 280 : \{(-123) + [-9 + 160]\} + 9 \cdot 4$ **0.25**
 $= 280 : \{(-123) + 151\} + 36$ **0.25**
 $= 280 : 28 + 36$
 $= 10 + 36 = 46$ **0.25**

Câu 3. (1,75 điểm):

a) Tìm x biết $x - 12 = 5 \cdot (-8)$ 0.75

$x - 12 = -40$ 0.25

$x = -40 + 12$ 0.25

$x = -28$ 0.25

- b) Một trường THCS tổ chức cho học sinh khối 6 đăng ký tham gia tiết học ngoài nhà trường tại bảo tàng Hồ Chí Minh. Trong ngày đi, nhà trường sắp xếp 30 em hay 36 em hay 40 em lên một xe thì đều vừa đủ không thừa học sinh nào. Tính số học sinh khối 6 của trường đăng ký tham gia tiết học biết rằng số học sinh này khoảng 300 đến 400 học sinh.

1

Gọi x số học sinh khối 6 của trường đăng ký tham gia tiết học.

$x : 30$

$x : 36$

$x : 40$

Nên $x \in BC(30; 36; 40)$ 0.25

$BCNN(30; 36; 40) = 360$ 0.25

$BC(30; 36; 40) = B(360) = \{0; 360; 720; \dots\}$ 0.25

Do số học sinh có khoảng từ 300 đến 400 nên $x = 360$

Vậy có 360 học sinh khối 6 của trường đăng ký tham gia tiết học. 0.25

Câu 4. (1,25 điểm)

Một thửa ruộng dùng để trồng lúa có dạng hình chữ nhật với độ dài hai cạnh là 120 m và 80 m.

a. Em hãy tính chu vi thửa ruộng đó.

b. Cho biết cứ 400 m² đất rải đủ hết 1 túi hạt thóc giống. Hỏi nếu rải hạt giống cả thửa ruộng này thì cần bao nhiêu túi hạt thóc giống

a. Em hãy tính chu vi mảnh vườn đó. 0.5

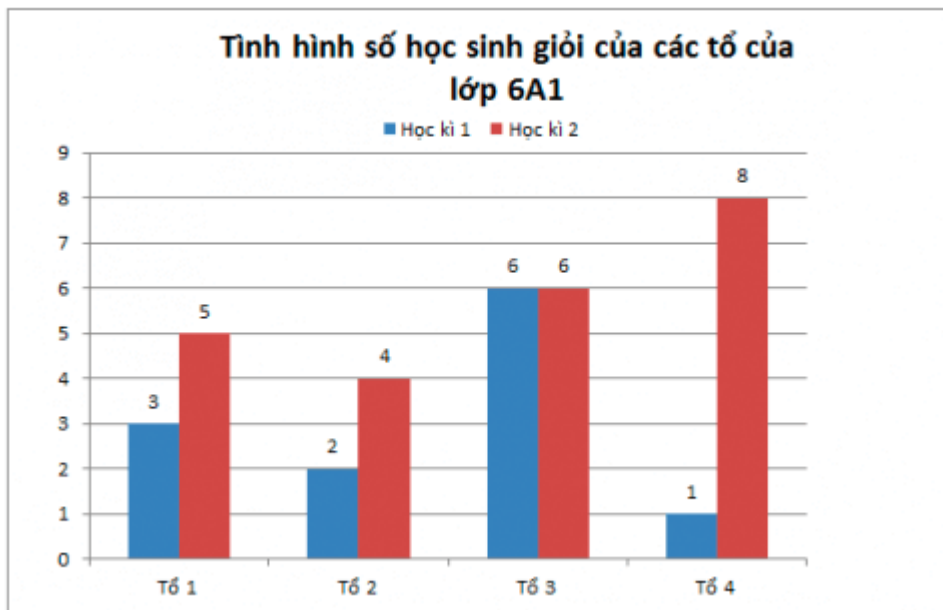
Chu vi mảnh vườn: $(120 + 80) \cdot 2 = 400$ (m) 0.5

b. Cho biết cứ 400 m² đất rải đủ hết 1 túi hạt thóc giống. Hỏi nếu rải hạt giống cả thửa ruộng này thì cần bao nhiêu túi hạt thóc giống? **0.75**

Diện tích mảnh vườn: $(120 \cdot 80) = 9600 \text{ (m}^2\text{)}$ **0.5**

Số túi hạt giống cần: $9600 : 400 = 24 \text{ (túi)}$ **0.25**

Câu 5. (1,0 điểm) Cho biểu đồ cột kép biểu diễn số học sinh giỏi của lớp 6A1. Từ biểu đồ trên, em hãy cho biết :



a) Trong học kì 1, tổ nào có số học sinh giỏi ít nhất? **0.5**
Tổ 4 **0.5**

b) Tính tổng số học sinh giỏi của cả lớp trong học kỳ 2? **0.5**
Số học sinh giỏi của cả lớp trong học kỳ 2: $5 + 4 + 6 + 8 = 23 \text{ (hs)}$ **0.5**

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6 (2023-2024)

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên (24 tiết)	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	1 (TN1) 0,25		1 (TN12) 0,25						32,5
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	1 (TN2) 0,25	3 (TL1, 2, 3) 1,5						1 (TL7) 1	
2	Số nguyên (15 tiết)	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	1 (TN3) 0,25		1 (TN9) 0,25						32,5
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	1 (TN4) 0,25		1 (TN10) 0,25	1 (TL6) 0,75		2 (TL4, 5) 1,5			
3	Các hình phẳng trong thực tiễn (10 tiết)	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1 (TN5) 0,25								17,5
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1 (TN6) 0,25			1 (TL8) 0,75		1 (TL9) 0,5			
4	Một số yếu tố thống kê. (10 tiết)	Thu thập và tổ chức dữ liệu.	2 (TN7,8) 0,5								17,5
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.		1 (TL10) 0,5	1 (TN11) 0,25	1 (TL11) 0,5					
Tổng: Số câu Điểm			8 2,0	4 2,0	4 1	3 2		3 2		1 1,0	10 10,0
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

Thời gian 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm) Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

Câu 1. Chọn khẳng định đúng?

- A. $-3 \in \mathbb{N}$. B. $3 \in \mathbb{N}$. C. $1,2 \in \mathbb{N}$. D. $3 \notin \mathbb{N}$.

Câu 2. Trong các số 304; 5650; 1234; 321. Số chia hết cho 3 là

- A. 304. B. 5650. C. 1234. D. 321.

Câu 3. Số đối của số -5 là

- A. -5 B. $\frac{1}{5}$ C. 5 D. $-\frac{1}{5}$

Câu 4. Tập hợp Z các ước của 8 là:

- A. $\{1;2;4;8\}$ B. $\{-1;-2;-4;-8\}$
C. $\{1;2;4;8;-1;-2;-4;-8\}$ D. $\{-2;-4;-8;2;4;8\}$

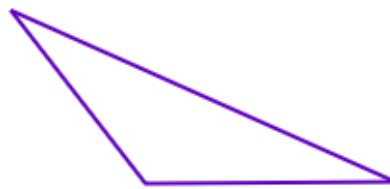
Câu 5 Chọn hình ảnh xuất hiện tam giác đều:



(1)



(2)



(3)



(4)

- A. Hình (1). B. Hình (2). C. Hình (3). D. Hình (4).

Câu 6. Yếu tố nào sau đây không phải của hình thoi?

- A. Hai đường chéo vuông góc với nhau B. Có 4 cạnh bằng nhau
C. Hai cặp cạnh đối diện song song với nhau D. Có 4 góc vuông.

Câu 7. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	2	1	8	8	9	5	6	1

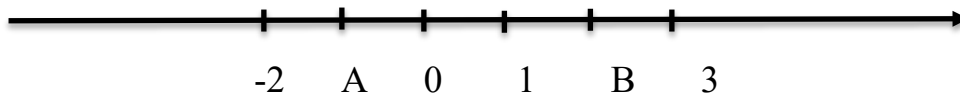
Số học sinh đạt điểm Giỏi (điểm 9) là:

- A. 1. B. 6. C. 19. D. 7

Câu 8. Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không phải là số liệu?

- A. Những môn học có điểm tổng kết trên 9,0 của bạn Mai.
 B. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam).
 C. Chiều cao trung bình của một số loại cây thân gỗ (đơn vị tính là mét).
 D. Số học sinh thích ăn xúc xích.

Câu 9. Các điểm A và B ở hình sau đây biểu diễn các số nguyên nào?



- A. -3 và 2 B. 2 và -3 C. 1 và 2 D. -1 và 2

Câu 10. Chọn kết quả của biểu thức sau: $(21 - 37) : (-2) + 1$

- A. -17 B. 9
 C. -7 D. 16

Câu 11. Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số lượng học sinh tổ 1 lớp 6A sử dụng các phương tiện khác nhau để đi đến trường.

Đi bộ	
Xe đạp	
Xe máy (ba mẹ chở)	
Phương tiện khác	

(Mỗi  ứng với 2 học sinh)

Tổ 1 lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?

- A. 7 học sinh;
- B. 14 học sinh;
- C. 12 học sinh;
- D. 10 học sinh.

Câu 12. Một chiếc điều đang ở độ cao 100m, sau đó nó hạ xuống 30m, rồi lại lên cao 50m, hạ xuống 10m. Hỏi sau ba lần thay đổi, chiếc điều ở độ cao bao nhiêu mét?

- A. 100m B. 90m C. 110m D. 120m

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- a) Liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 20.
- b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: -11 ; 0 ; 8 ; -4 ; 12 .
- c) Viết tập hợp A gồm các ước của 9 trong tập hợp số nguyên.

Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

- a) $5^{108} : 5^{106} + 2022^0 - 2^3 : 8$
- b) $75 + \{5 \cdot [81 : (7 - 4)^2] + 15\} : 10$

Câu 3. (1,75 điểm):

- a) Tìm x biết, $(-45).x = -360$
- b) (Có một số bánh trong khoảng từ 300 đến 400 cái. Người ta muốn xếp vào các hộp để làm quà tặng. Nếu xếp vào từng loại hộp 12; 15 hay 18 cái thì đều vừa đủ. Tính số cái bánh nói trên.

Câu 4. (1,25 điểm) Một mảnh vườn có dạng hình chữ nhật với độ dài hai cạnh là 20m và 7m.

- a) Em hãy tính diện tích của mảnh vườn đó.
- b) Người ta muốn dùng lưới thép để làm hàng rào cho mảnh vườn. Hỏi nếu mỗi mét vuông lưới thép có giá 52 000 đồng thì cần bao nhiêu tiền để mua đủ lưới thép làm hàng rào?

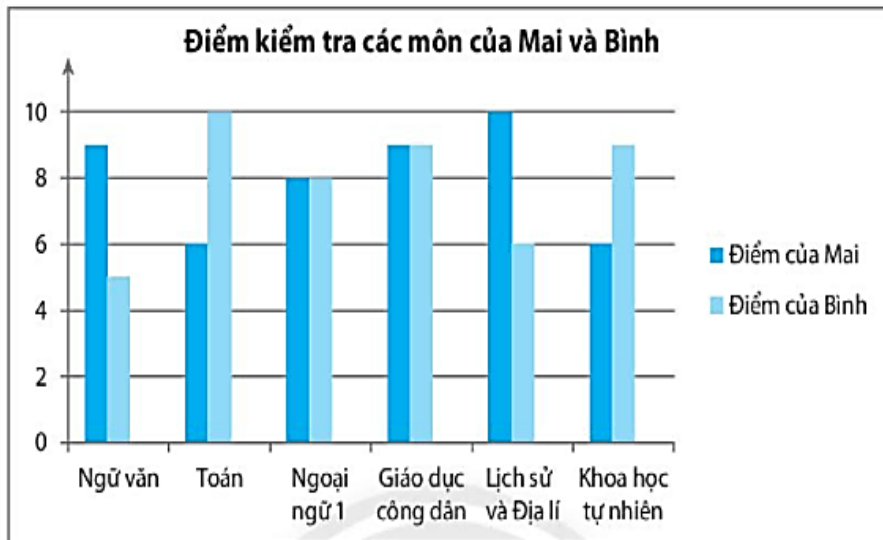
Câu 5 (1 điểm)

Cho biểu đồ cột kép biểu diễn **điểm kiểm tra các môn của Mai và Bình**

Từ biểu đồ bên em hãy cho biết:

a/(NB TL4) Môn nào Mai học tốt hơn Bình?

b/ (TH TL8) Môn nào Mai học yếu nhất và thua Bình bao nhiêu điểm?

**ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM**

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	B	C	C	C	A	D	B	A	D	B	B	C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
1a (0,5đ)	Các số nguyên tố nhỏ hơn 20 là : 2;3;5;7;11;13;17;19	0,5
1b (0,5đ)	12; 8; 0; -4; -11	0,5
1c (0,5đ)	$U(9) = \{ -9; -3; -1; 1; 3; 9 \}$	0,5
2a (0,5đ)	a) $5^{108} : 5^{106} + 2022^0 - 2^3 : 8$ $= 5^2 + 1 - 8 : 8$ $= 25 + 1 - 1$	0,5

5a (0,5đ)	a/ Mai học tốt hơn Bình ở môn: Ngữ văn, Lịch sử- Địa lí.	0,5
5b (0,5đ)	b/ Mai học yếu nhất môn Khoa học tự nhiên và thua Bình 2,5đ	0,5

---Hết---

TRƯỜNG THCS HÀ HUY TẬP

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2023 - 2024

Đề đề nghị

Môn: Toán lớp 6

Thời gian: 90 phút

(Không kể thời gian phát đề)

I./ Trắc nghiệm khách quan (3đ) Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

Câu 1: Tập hợp các số tự nhiên x sao cho $12 \leq x \leq 17$ là :

A) $M = \{13; 14; 15; 16; 17\}$

B) $M = \{12; 13; 14; 15; 16\}$

C) $M = \{12; 13; 14; 15; 16; 17\}$

D) $M = \{13; 14; 15; 16\}$

Câu 2: Kết quả của 3^4 là:

A) 12

B) 27

C) 54

D) 81

Câu 3: Trong các số sau, số nào chia hết cho cả 2; 3; 5; 9.

A) 2010

B) 2016

C) 1980

D) 2015

Câu 4: Phân tích số 60 ra thừa số nguyên tố, cách viết nào sau đây là đúng.

A) $2^2.3.5$

B) $2.3.10$

C) $3.4.5$

D) $2^2.15$

Câu 5: Trong các số nguyên âm: -19; -9; -199; -99 số lớn nhất là:

A) -19

B) -9

C) -199

D) -99

Câu 6: Tập hợp tất cả các ước số nguyên của 8 là:

A) $U(8) = \{1; 2; 4; 8\}$

B) $U(8) = \{-1; -2; -4; -8\}$

C) $U(8) = \{-8; -4; -2; -1; 1; 2; 4; 8\}$

D) $U(8) = \{-8; -4; -2; -1; 0; 1; 2; 4; 8\}$

Câu 7: Thực hiện phép tính $54.(-12) + (-12).46$ bằng:

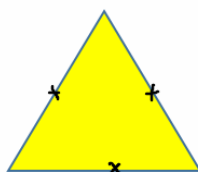
A) -100

B) -1200

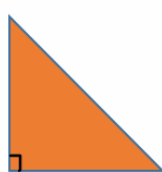
C) 1200

D) -88

Câu 8: Trong các hình sau đây, hình nào là tam giác đều?



HÌNH 1



HÌNH 2



HÌNH 3



HÌNH 4

A) Hình 1.

B) Hình 2.

C) Hình 3.

D) Hình 4.

Câu 9: Một hình vuông có diện tích 169 cm^2 . Độ dài cạnh hình vuông là:

A) 10 cm.

B) 13 cm.

C) 36 cm.

D) 24 cm.

Câu 10: Dữ liệu về loại quả yêu thích của các bạn học sinh khối lớp 6 được cho bởi bảng sau:

Loại quả	Số học sinh yêu thích
Táo	★★★★
Chuối	★★★★★
Dưa hấu	★★★★★★
Cam	★★★★★
Bưởi	★★★★★

(★ = 10 học sinh; ★ = 5 học sinh)

Hình 3

Em hãy cho biết tổng số học sinh lớp 6 thích ăn dưa hấu và cam là bao nhiêu?

A) 120

B) 115

C) 12

D) 11,5

Câu 11: Danh sách học sinh nhóm 1 của lớp 6A.

STT	Họ và tên
1	Trần Công Danh
2	Nguyễn Thị Thanh Thảo
3	24/10/2018
4	Phan Võ Anh Khôi
5	Nguyễn Mai Anh Nhi

Bạn số mấy cung cấp thông tin không hợp lí

- A) 1 B) 2 C) 3 D) 4

Câu 12: Bạn Nam đi nhà sách mua 3 cây bút bi cùng loại và 5 quyển tập cùng loại. Biết giá tiền một quyển tập là 12 000 đồng. Bạn đưa chị thu ngân 100 000 đồng và được chị trả lại 22 000 đồng. Hỏi giá tiền của một cây bút mà bạn An đã mua là bao nhiêu?

- A) 3 000 đ B) 4 000 đ C) 5 000 đ D) 6 000 đ

II. Tự luận (7 điểm):

Câu 1. (1,5 điểm)

- Liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 10.
- Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: -15; 23; 5; -41
- Viết tập hợp A gồm các ước tự nhiên của 18.

Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

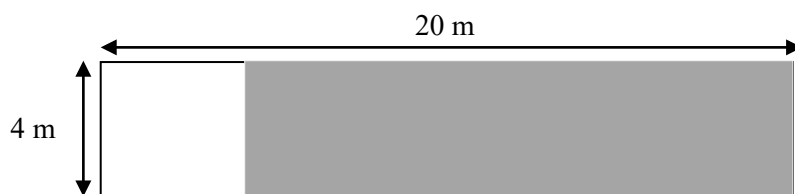
- $2^{13} : 2^{10} + 3.5^2 - 2023^0$
- $211 : \{-200 + [(-5.14 + 65).3 + 2^2]\}$

Câu 3. (1,75 điểm):

- Tìm x, biết: $3x - 7 = 5^4 : 5^3$
- Học sinh lớp 6A của một trường khi xếp hàng 3, hàng 4, hàng 6, đều vừa đủ hàng. Tìm số học sinh của lớp đó, cho biết số học sinh của lớp đó trong khoảng từ 38 đến 50 học sinh.

Câu 4. (1,25 điểm) Một khu đất có dạng hình chữ nhật có chiều dài là 20m và chiều rộng là 4m.

- Em hãy tính chu vi khu đất đó.
- Chủ đất dự định xây nhà trên khu đất này và chừa lại một phần sân hình vuông phía trước như hình vẽ. Tính diện tích phần đất xây nhà?



Câu 5. (1,0 điểm) Điểm kiểm tra môn Toán của một nhóm học sinh được ghi lại như sau:

10	7	9	7	8	8	8	10	7	8
6	8	5	4	9	5	6	5	9	7

- Hãy lập bảng thống kê tương ứng.
- Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số liệu ở bảng thống kê trên.

----Hết---

ĐÁP ÁN

TRƯỜNG THCS HÀ HUY TẬP

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023

Đề đề nghị

Môn: Toán lớp 6

Thời gian: 90 phút

(Không kể thời gian phát đề)

I./ Trắc nghiệm khách quan (3đ)

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐÁP ÁN	C	D	C	A	B	C	B	A	B	B	C	D

II. Tự luận (7 điểm):

Câu 1. (1,5 điểm)

- a) Các số nguyên tố nhỏ hơn 10 là: 2; 3; 5; 7 0,5đ
- b) Các số nguyên theo thứ tự giảm dần là: 23; 5; -15; -41 0,5đ
- c) Tập hợp A gồm các ước tự nhiên của 18 là: $A = \{1; 2; 3; 6; 9; 18\}$ 0,5đ

Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

- a) $2^{13} : 2^{10} + 3.5^2 - 2023^0$
 $= 2^3 + 3.25 - 1$ 0,25đ
 $= 8 + 75 - 1$ 0,25đ
 $= 83 - 1$
 $= 82$ 0,25đ
- b) $211 : \{-200 + [(-5.14 + 65).3 + 2^2]\}$
 $= 211 : \{-200 + [(-70 + 65).3 + 4]\}$ 0,25đ
 $= 211 : \{-200 + [(-5).3 + 4]\}$
 $= 211 : \{-200 + [-15 + 4]\}$ 0,25đ
 $= 211 : \{-200 + (-11)\}$
 $= 211 : (-211)$
 $= -1$ 0,25đ

Câu 3. (1,75 điểm):

- a) Tìm x, biết:
- $$3x - 7 = 5^4 : 5^3$$
- $$3x - 7 = 5^1$$
- 0,25đ
- $$3x = 5 + 7$$
- 0,25đ
- $$3x = 12$$
- $$x = 12 : 3$$
- $$x = 4$$
- 0,25đ
- b) Học sinh lớp 6A của một trường khi xếp hàng 3, hàng 4, hàng 6, đều vừa đủ hàng. Tìm số học sinh của lớp đó, cho biết số học sinh của lớp đó trong khoảng từ 38 đến 50 học sinh.

Số học sinh của lớp đó là bội chung của 3, 4 và 6. 0,25đ

Ta có: $BCNN(3,4,6) = 12$ nên $BC(3,4,6) = \{0; 12; 24; 36; 48; 60; \dots\}$. 0,5đ

Vì số học sinh của lớp đó từ 38 đến 50 học sinh nên lớp đó có 48 học sinh. 0,25đ

Câu 4. (1,25 điểm) Một mảnh vườn có dạng hình chữ nhật có chiều dài là 20m và chiều rộng là 4m.

a) Chu vi của khu đất là:

$$2.(20 + 4) = 48 \text{ (m)} \quad 0,5đ$$

b) Diện tích của khu đất là:

$$20.4 = 80 \text{ (m}^2\text{)} \quad 0,25đ$$

$$\text{Diện tích phần sân là: } 4.4 = 16 \text{ (m}^2\text{)} \quad 0,25đ$$

$$\text{Diện tích phần đất xây nhà là: } 80 - 16 = 64 \text{ (m}^2\text{)} \quad 0,25đ$$

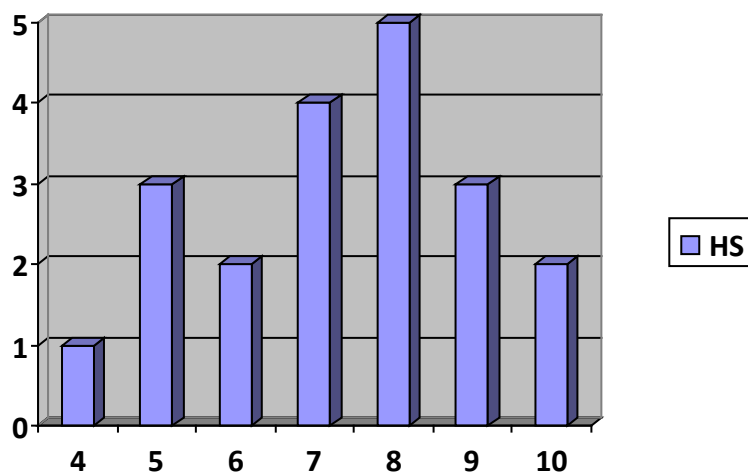
Câu 5. (1,0 điểm) Điểm kiểm tra môn Toán của một nhóm học sinh được ghi lại như sau:

10	7	9	7	8	8	8	10	7	8
6	8	5	4	9	5	6	5	9	7

a) Bảng thống kê tương ứng. 0,5 đ

Điểm số	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	1	3	2	4	5	3	2

b) Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số liệu ở bảng thống kê trên. 0,5đ



----Hết----

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6 (2023-2024)

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên (24 tiết)	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	1 (TN1) 0,25		1 (TN12) 0,25						32,5
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	1 (TN2) 0,25	3 (TL1, 2, 3) 1,5						1 (TL7) 1	
2	Số nguyên (15 tiết)	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	1 (TN3) 0,25		1 (TN9) 0,25						32,5
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	1 (TN4) 0,25		1 (TN10) 0,25	1 (TL6) 0,75		2 (TL4, 5) 1,5			
3	Các hình phẳng trong thực tiễn (10 tiết)	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1 (TN5) 0,25								17,5
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1 (TN6) 0,25			1 (TL8) 0,75		1 (TL9) 0,5			
4	Một số yếu tố thống kê. (10 tiết)	Thu thập và tổ chức dữ liệu.	2 (TN7,8) 0,5								17,5
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.		1 (TL10) 0,5	1 (TN11) 0,25	1 (TL11) 0,5					
Tổng: Số câu Điểm			8 2,0	4 2,0	4 1	3 2		3 2		1 1,0	10 10,0
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm)

Câu 1. Tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 3 và nhỏ hơn 7 là

- A. $\{3; 4; 5; 6\}$. B. $\{4; 5; 6; 7\}$. C. $\{4; 5; 6\}$. D. $\{3; 4; 5; 6; 7\}$.

Câu 2. Trong các số 304; 5650; 1234; 321. Số chia hết cho 2 và 5 là

- A. 304. B. 5650. C. 1234. D. 321.

Câu 3. Số đối của - 8 là:

- A. 8. B. -9. C. 0. D. -8.

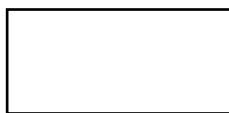
Câu 4. Thực hiện phép tính $29 - (-59) + 64$: **(-8)**

- A. -38. B. -19. C. 38. D. 80.

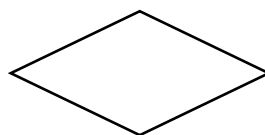
Câu 5. Hình nào dưới đây là hình tam giác đều?



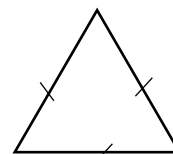
A.



B.



C.



D.

Câu 6. Khẳng định nào sau đây sai?

- A. Hình thoi có bốn cạnh bằng nhau.
B. Hình chữ nhật có hai đường chéo bằng nhau.
C. Hình thoi có hai đường chéo vuông góc.
D. Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc.

Câu 7. Điểm thi học kì 1 môn Toán của Tổ 1 lớp 6A được cho trong bảng sau:

STT	Họ và tên học sinh	Điểm
1	Nguyễn Văn An	8
2	Nguyễn Thị Bình	9
3	Ngô Văn Cúc	-5
4	Quách Thị Dung	7

Thông tin của bạn nào là không hợp lí, biết rằng điểm phải là một số tự nhiên không vượt quá 10.

- A. Bạn Bình B. Bạn Cúc C. Bạn An D. Bạn Dung

Câu 8. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	0	1	10	8	7	6	3	2

Số học sinh đạt điểm Giỏi (từ điểm 9 trở lên) là:

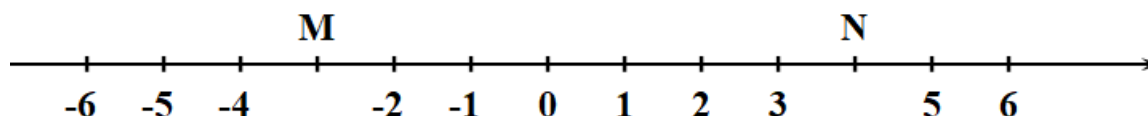
A.5

B.4

C.3

D.2

Câu 9. Các điểm M và N ở hình sau đây biểu diễn các số nguyên nào?



A. 3 và 4

B. -3 và -4

C. -3 và 4

D. 3 và -4

Câu 10. Tập hợp tất cả các ước số nguyên của 6 là:

A. $U(2) = \{2; 1\}$.

B. $U(6) = \{-6; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; 6\}$

C. $U(6) = \{1; 2; 3; 6\}$.

D. $U(6) = \{-6; -3; -2; -1; 1; 2; 3; 6\}$.

Câu 11: Dữ liệu số xe bán được của cửa hàng Thành Công qua các năm từ năm 2018 đến năm 2021 được cho ở bảng sau đây:

Năm	Số xe bán được
2018	● ● ● ● ● ●
2019	● ● ● ● ● ●
2020	● ● ●
2021	● ● ●

(● : 20 xe; ● : 10 xe)

Hãy cho biết năm 2020, cửa hàng bán được bao nhiêu xe?

A. 150

B. 160

C. 60

D. 50

Câu 12. $(-2)^4 =$

A. 8

B. - 8

C. 16

D. - 16

Phần 2: Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- Liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 17
- Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần : 0; -4;1;-7
- Viết tập hợp A các ước tự nhiên của 10

Câu 2. (1,5 điểm) Tính giá trị biểu thức

a) $(-2) + 2[30 - 30:(1 - 2.3)]$

b) $3^9 . 3^{11} : 3^{18}$

Câu 3. (1,75 đ)

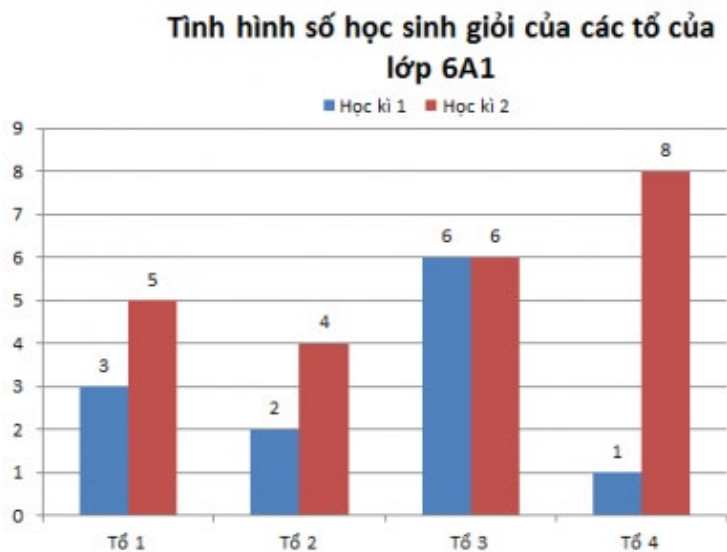
- Tìm x biết : $2x + 11 = - 15$
- Số học sinh của lớp 6A khi xếp hàng 4; hàng 3 hay hàng 6 đều vừa đủ. Biết số học sinh trong khoảng từ 30 đến 40 em. Hỏi số học sinh lớp 6A?

Câu 4. (1,25 đ)

Sân cỏ của sân vận động Mỹ Đình có dạng hình chữ nhật với chiều dài 105m và chiều rộng 68m.

- Tính chu vi và diện tích của sân cỏ này
- Người ta muốn trồng cỏ toàn bộ phần sân cỏ này. Biết mỗi mét vuông cỏ là 750000 đồng. Hỏi người ta phải tốn bao nhiêu tiền?

Câu 5.(1 điểm) Cho biểu đồ cột kép biểu diễn số học sinh giỏi của lớp 6A. Quan sát biểu đồ và trả lời các câu hỏi sau:



- Trong học kỳ II tổ nào có số học sinh giỏi nhiều nhất ? Là bao nhiêu em?
- Số học sinh giỏi ở Học kỳ II nhiều hơn số học sinh giỏi ở Học kỳ I bao nhiêu em?

HẾT

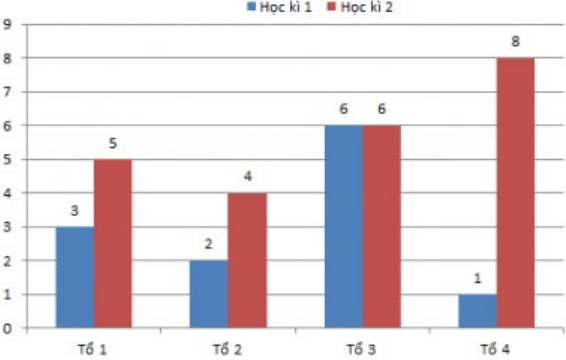
ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	C	B	A	D	D	D	B	A	C	D	D	C

II. TỰ LUẬN: (7,0điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
1	a. Liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 17 b. Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần : 0; -4;1;-7 c. Viết tập hợp A các ước tự nhiên của 10	1,5
1a (0,5đ)	Các số nguyên tố nhỏ hơn 17 là: 2; 3; 5; 7; 11; 13.	0,5
1b (0,5 đ)	Theo thứ tự tăng dần : - 7; - 4 ; 0 ; 1	0,5
1b (0,5đ)	$A = \{ 1; 2; 5; 10 \}$	0,5
2	Tính giá trị biểu thức a) $(-2) + 2[30 - 30:(1 - 2.3)]$ b) $3^9 \cdot 3^{11} : 3^{18}$	1,5
2a (1,0đ)	$(-2) + 2[30 - 30:(1 - 2.3)]$	0,25
	$= (-2) + 2[30 - 30:(1 - 6)]$	0,25
	$= (-2) + 2[30 - 30:(-5)]$	
	$= (-2) + 2[30 - (-6)]$	
	$= (-2) + 2[30 + 6]$	0,25
	$= (-2) + 2.36$	
	$= (-2) + 72$	0,25
	$= 70$	
2b (0,5đ)	$3^9 \cdot 3^{11} : 3^{18} = 3^{20} : 3^{18} = 3^2 = 9$	0,5
3	a. Tìm x biết : $2x + 11 = - 15$ b. Số học sinh của lớp 6A khi xếp hàng 4; hàng 3 hay hàng 6 đều vừa đủ. Biết số học sinh trong khoảng từ 30 đến 40 em. Hỏi số học sinh lớp 6A?	1,75
3a (0,75đ)	$2x + 11 = - 15$	
	$2x = -15 - 11$	0,25
	$2x = - 26$	
	$x = - 26 : 2$	0,25
	$x = - 13$	0,25

3b <i>(1,0đ)</i>	Vì số học sinh xếp hàng 3; hàng 4 hay hàng 6 đều vừa đủ nên số học sinh là một bội chung của 3;4 và 6 Ta có : BCNN (3;4;6) = 12 $BC(3;4;6) = B(12) = \{0;12;24;36;48;60;\dots\}$ Vì số học sinh trong khoảng từ 30 đến 40 em nên số học sinh là 36 Vậy lớp 6A có 36 học sinh	0,25 0,25 0,25 0,25
4	Sân cỏ của sân vận động Mỹ Đình có dạng hình chữ nhật với chiều dài 105m và chiều rộng 68m. a. Tính chu vi và diện tích của sân cỏ này b. Người ta muốn trồng cỏ toàn bộ phần sân cỏ này. Biết mỗi mét vuông cỏ là 750000 đồng. Hỏi người ta phải tốn bao nhiêu tiền?	1,25
4a <i>(0,75đ)</i>	Chu vi sân cỏ: $(105 + 68).2 = 346$ (m) Diện tích sân cỏ: $105 .68 = 7140$ (m²)	0,5 0,25
4b <i>(0,5đ)</i>	Số tiền để trồng cỏ toàn bộ sân: $7140 . 750000 = 5355000000$ (đồng)	0,5
5	Cho biểu đồ cột kép biểu diễn số học sinh giỏi của lớp 6A. Tình hình số học sinh giỏi của các tổ của lớp 6A1  a) Trong học kỳ II tổ nào có số học sinh giỏi nhiều nhất ? Là bao nhiêu học sinh? b) Số học sinh giỏi ở Học kỳ II nhiều hơn số học sinh giỏi ở Học kỳ I bao nhiêu em?	1
5a <i>(0,5đ)</i>	a/ Trong Học kỳ II tổ 4 có số học sinh giỏi nhiều nhất , là 8 học sinh	0,5
5b <i>(0,5đ)</i>	b/ Số học sinh giỏi của học kỳ II nhiều hơn Học kỳ I là: $(5 + 4 + 8) - (3 + 2 + 1) = 11$ (học sinh)	0,5

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA CUỐI KÌ I

NĂM HỌC 2023 – 2024

MÔN TOÁN LỚP 6

Thời gian 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm) Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

Câu 1. Kết quả của 2^4 là:

A. 12

C. 16

B. 8

D. 24

Câu 2. Trong các số 1930; 1945; 1954; 1975. Số chia hết cho 2 và 5 là:

A. 1930

C. 1954

B. 1945

D. 1975

Câu 3. Số đối của $-(-2023)$ là:

A. 2023

C. 2023

B. -2023

D. $-(-2023)$

Câu 4. Tập hợp tất cả các ước số nguyên của 6 là:

A. $U(4) = \{1; 2; 3; 6\}$

C. $U(4) = \{-1; -2; -3; -6\}$

B. $U(4) = \{-6; -3; -2; -1; 1; 2; 3; 6\}$

D. $U(4) = \{-6; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; 6\}$

Câu 5. Biển báo nào sau đây là hình tam giác đều.



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 3

C. Hình 4

B. Hình 1

D. Hình 2

Câu 6. Thực hiện phép tính $(-36).62 + 38.(-36)$

A. -100

-3600

B. 3600

C.

D. -159

Câu 7. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	0	1	8	8	9	5	6	3

Số học sinh đạt điểm trung bình (từ điểm 5 trở lên) là:

A. 11

C. 14

B. 6

D. 9

Câu 8. Bảng dữ liệu sau biểu thị điểm kiểm tra 1 tiết môn Toán của tổ 1:

Tên	An	Chung	Duy	Hà	Hiếu	Hùng	Liên	Linh	Lộc	Việt
Điểm	7	8	7	10	6	5	9	10	4	8

Khẳng định nào sai:

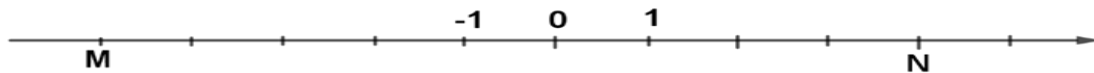
A. Tổ 1 có 10 học sinh

C. Điểm thấp nhất các bạn đạt được là 4

B. Điểm cao nhất các bạn đạt được là 10

D. Hai bạn đạt điểm 10 là Hà và Việt

Câu 9. Trên hình vẽ, điểm M, N biểu diễn các số nguyên



A. -5; 4

C. 5; -4

B. 5; 4.

D. -5; -4

Câu 10. Trong hình vuông thì:

A. Hai đường chéo song song với nhau.

C. Hai đường chéo vuông góc với nhau

B. Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại

D. Hai đường chéo không bằng nhau.

trung điểm của mỗi đường.

Câu 11. Bạn An đi nhà sách mua 5 cây bút bi cùng loại và 8 quyển tập cùng loại. Biết giá tiền một quyển tập là 12 000 đồng. Bạn đưa chị thu ngân 150 000 đồng và được chị trả lại 24 000 đồng. Hỏi giá tiền của 1 cây bút mà bạn An đã mua là bao nhiêu?

A. 4000đ

B. 3000đ

C. 5000đ

D. 6000đ

Câu 12. Cho biểu đồ tranh

Số học sinh khối lớp 6 được điểm 10 môn Toán trong tuần

Ngày	Số học sinh được điểm 10 môn Toán
Thứ Hai	☺ ☺ ☺
Thứ Ba	☺ ☺
Thứ Tư	☺
Thứ Năm	☺ ☺ ☺ ☺ ☺
Thứ Sáu	☺ ☺ ☺

(☺ = 1 học sinh)

Trong các khẳng định sau đây khẳng định nào sai:

- A. Ngày thứ năm trong tuần số học sinh được nhiều điểm mười nhất.
- B. Ngày thứ tư trong tuần số học sinh được điểm mười ít nhất.
- C. Ngày thứ hai và ngày thứ sáu trong tuần số học sinh được điểm mười bằng nhau.
- D. Số học sinh đạt điểm mười trong tuần là 16 học sinh.

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- a. Liệt kê ba số chẵn liên tiếp là hợp số.
- b. Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 2; - 10; 19; - 33
- c. Viết tập hợp A gồm các ước tự nhiên của 18

Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

- a. $6^{31} : 6^{29} + 5^2 \cdot 4 - 2023^0$
- b. $140 : \{-123 + [-9 + (-5) \cdot (-32)]\} + 2^4 \cdot 4$

Câu 3. (1,75 điểm):

- a. Tìm x biết: $(7x - 15) : 3 = -9$
- b. Một trường THCS tổ chức cho học sinh khối 6 xếp hàng 4, hàng 5 hay hàng 6 thì đều vừa đủ không thừa học sinh nào. Tính số học sinh khối 6 của trường, biết rằng số học sinh này khoảng 200 đến 300 học sinh.

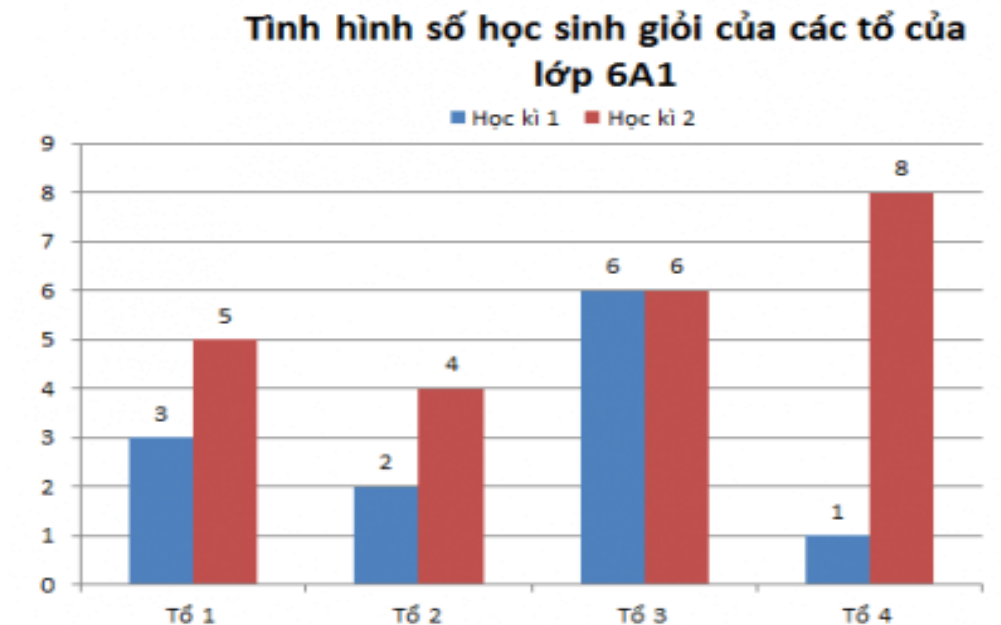
Câu 4. (1,25 điểm) Một mảnh vườn dùng để trồng hoa hồng có dạng hình chữ nhật với độ dài hai cạnh là 25 m và 8 m.

- a. Em hãy tính chu vi mảnh vườn đó.

- b. Cho biết cứ 2m^2 đất rải đủ hết 1 túi hạt giống. Hỏi nếu rải hạt giống cả mảnh vườn này thì cần bao nhiêu túi hạt giống?

Câu 5. (1,0 điểm) Cho biểu đồ cột kép biểu diễn số học sinh giỏi của lớp 6A1. Từ biểu đồ trên, em hãy cho biết :

- a. Trong học kì 1, tổ nào có số học sinh giỏi nhiều nhất?
b. Tính tổng số học sinh giỏi của cả lớp trong học kỳ 2?



KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I TOÁN 6

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên (24 tiết)	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	1 (TN1) 0,25đ			1 (TL5) 0,75đ	1 (TN12) 0,25đ				3,0
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	1 (TN2) 0,25đ	1 (TL1) 0,5đ						1 (TL11) 1,0đ	
2	Số nguyên (20 tiết)	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	1 (TN3) 0,25đ	1 (TL2) 0,5đ	1 (TN9) 0,25đ						3,5
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	1 (TN4) 0,25đ	1 (TL3) 0,5đ	1 (TN10) 0,25đ	1 (TL6) 0,5đ		1 (TL9) 1,0đ			
3	Các hình phẳng trong thực tiễn (10 tiết)	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1 (TN5) 0,25đ								1,75
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1 (TN6) 0,25đ			1 (TL7) 0,5đ		1 (TL10) 0,75đ			
4	Một số yếu tố thống kê. (10 tiết)	Thu thập và tổ chức dữ liệu.	2 (TN7,8) 0,5đ								1,75
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.		1 (TL4) 0,5đ	1 (TN11) 0,25đ	1 (TL8) 0,5đ					
Tổng: Số câu Điểm			8 2,0	4 2,0	3 0,75	4 2,25	1 0,25	2 1,75		1 1,0	10,0
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI TOÁN 6

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Tập hợp các số tự nhiên	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	Thông hiểu: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. Vận dụng: – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.	1TN (TN1)	1TL (TL5)	1TN (TN12)	
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	Nhận biết : – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. – Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư. – Nhận biết được phân số tối giản.	1TN (TN2) 1TL (TL1)			1TL (TL11)

			Thông hiểu: - Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản. Vận dụng cao: - Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc).				
2	Số nguyên	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	Nhận biết: - Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên. - Nhận biết được số đối của một số nguyên. - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên. - Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn. Thông hiểu: - Biểu diễn được số nguyên trên trục số. - So sánh được hai số nguyên cho trước.	1TN (TN3) 1TL (TL2)	1TN (TN9)		
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	Nhận biết : - Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên. Thông hiểu: - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên. Vận dụng: - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong	1TN (TN4) 1TL (TL3)	1TN (TN10) 1TL (TL6)	1TL (TL9)	

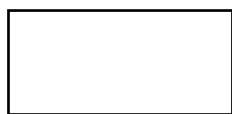
			tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán,...).				
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
3	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	Nhận biết: Nhận dạng về tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1TN (TN5)			
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	Thông hiểu: – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. Vận dụng : – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.	1TN (TN6)	1TL (TL7)	1TL (TL10)	
MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT							
4	Một số yếu tố thống kê	Thu thập và tổ chức dữ liệu.	Nhận biết: – Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản.	2TN (TN7,8)			
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.	Thông hiểu: – Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart).	1TL (TL4)	1TN (TN11) 1TL (TL8)		

I. Trắc nghiệm (3 điểm)

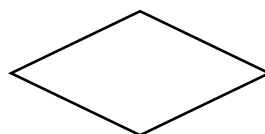
Hãy chọn đáp án đúng nhất trong mỗi câu dưới đây
Câu 1: Hình nào dưới đây là hình tam giác đều?



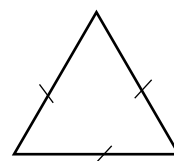
A.



B.



C.



D.

Câu 2: Trong các tập hợp sau, tập hợp nào có các phần tử được xếp theo thứ tự tăng dần:

A. $\{-10, -9, 0, 8, -1, 6\}$

B. $\{0, -1, 8, 6, -10, -9\}$

C. $\{-10, -9, 8, 0, -1, 6\}$

D. $\{-10, -9, -1, 0, 6, 8\}$

Câu 3: Trong các số sau, số nào chia hết cho 3?

A. 340

B. 1203

C. 1403

D. 3020.

Câu 4 : Số nguyên tố có một chữ số là:

A. 3; 5; 7; 2

B. 1; 2; 3; 5

C. 2; 3; 4; 5

D. 2; 3; 5; 9

Câu 5: Số đối của $-(-1897)$ là:

A.0

B. -1897

C. 1897

D. 1987

Câu 6: Hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là 15cm, 20 cm thì diện tích hình thoi là:

A. 300 cm^2

B. 150 cm^2

C. 70 cm^2

D. 150 m^2

Câu 7: Học lực cuối HK1 của lớp 6A được thống kê trong bảng sau:

Học lực	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
Số học sinh	10	22	15	3

Em hãy cho biết lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?

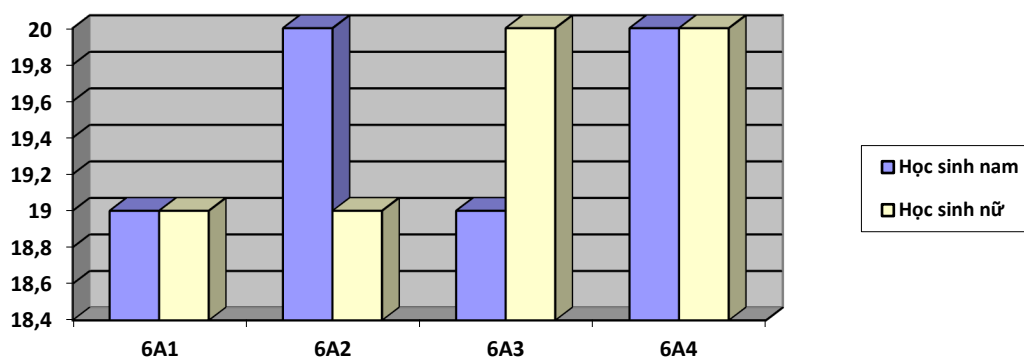
A. 42

B. 47

C. 52

D. 50

Câu 8: Biểu đồ cột kép thể hiện số học sinh nam, nữ ở mỗi lớp của khối 6 ở một trường THCS như sau :



Số học sinh nam/nữ của lớp 6A3 là :

A. 19/19.

B. 20/19.

C. 19/20.

D. 20/20

Câu 9: Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không phải là số liệu?

A. Những môn học có điểm tổng kết trên 8,0 của bạn Nam.

B. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam).

C. Chiều cao trung bình của một số loại cây thân gỗ (đơn vị tính là mét).

D. Số học sinh thích ăn kem.

Câu 10: Một hình thoi có chu vi là 40cm. Độ dài cạnh hình thoi này là:

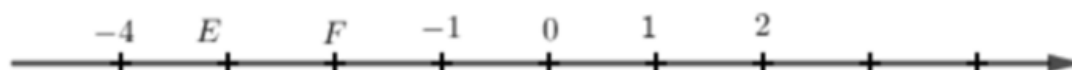
A. 1dm

B. 20cm

C. 10dm

D. 40cm

Câu 11: Các điểm E và F ở hình sau đây biểu diễn các số nguyên nào?



- A. -3 và -5 B. -3 và -2 C. 1 và 2 D. -5 và -6

Câu 12: Tìm số nguyên x thỏa: $x^2 = 4$

- A. 2 B. -2 C. 2 hay -2 D. 16 hay -16

II. Tự luận

Câu 1: (1,5 điểm)

- a) Liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 20
- b) Viết tập hợp A gồm các ước tự nhiên của 20
- c) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần:
 $-15, 0, 16, -14, 20$

Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

- a. $2^3 \cdot 3^2 + 7^{16} : 7^{14} - 2 \cdot 6^2$
- b. $900 : [50 + (7^2 - 8 \cdot 3) \cdot 2] + 2023^0$

Câu 3. (1,75 điểm):

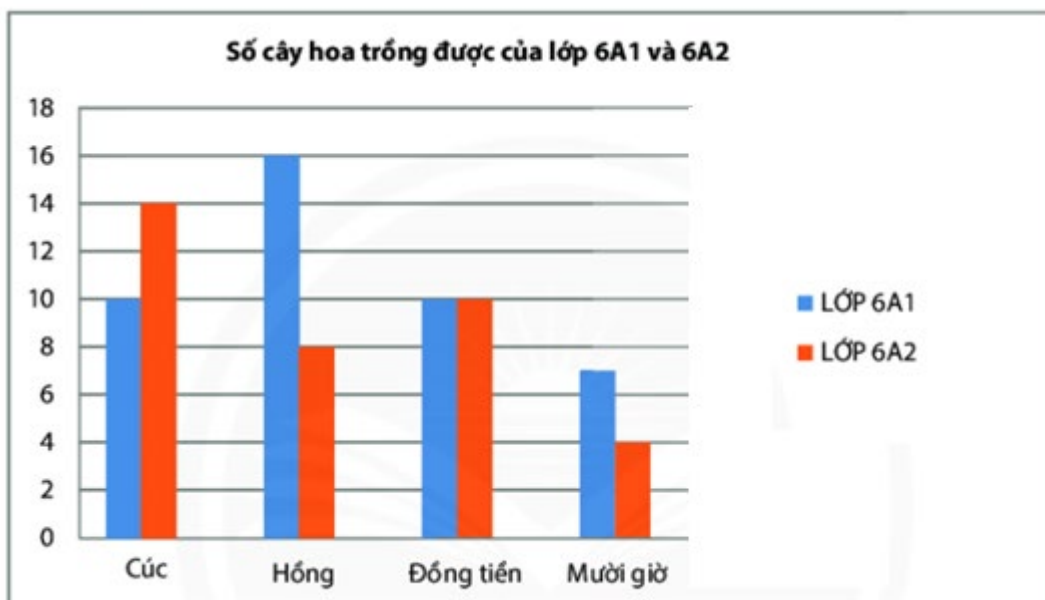
- a. Tìm x biết $2x - 7 = 3$. (-9).
- b. Thư viện trường THCS A có số lượng sách tham khảo từ 250 đến 450 cuốn. Khi xếp thành từng bó 12 cuốn, 15 cuốn, 18 cuốn đều thừa 5 cuốn. Tính số lượng sách tham khảo của THCS A.

Câu 4. (1,25 điểm) Một sân bóng đá mini hình chữ nhật có chiều rộng $25m$ và chiều dài gấp đôi chiều rộng. Người ta dự định phủ đều lên mặt sân bóng này một lớp cỏ nhân tạo có giá $180\,000$ đồng/ m^2 .

- a) Tính chu vi cái sân
- b) Hỏi cần bao nhiêu tiền để mua cỏ nhân tạo?

Câu 5: (1 điểm)

Cho biểu đồ cột kép biểu diễn số cây hoa trồng được của lớp 6A1 và lớp 6A2



Từ biểu đồ trên em hãy cho biết:

- Lớp 6A1 trồng được nhiều nhất loại hoa nào?
- Loại hoa nào lớp 6A2 trồng nhiều hơn lớp 6A1 và nhiều hơn bao nhiêu bông hoa?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	D	C	B	A	B	B	C	C	A	A	B	C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- Các số nguyên tố nhỏ hơn 20 là: 2; 3; 5; 7; 11,13,17,19 0.5
- $A = \{ 1; 2; 4; 5; 10; 20 \}$ 0.5
- 20, 16, 0, -14, -15, 0.5

Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

a. $2^3 \cdot 3^2 + 7^{16} : 7^{14} - 2 \cdot 6^2$	0.75
$= 8 \cdot 9 + 7^2 - 2 \cdot 36$	0.25
$= 72 + 49 - 72$	0.25
$= 49$	0.25
b. $900 : [50 + (7^2 - 8 \cdot 3) \cdot 2] + 2023^0$	0.75
$= 900 : [50 + (49 - 24) \cdot 2] + 1$	0.25
$= 900 : [50 + 25 \cdot 2] + 1$	0.25
$= 900 : 100 + 1$	
$= 10$	0.25
	0.25

Câu 3. (1,75 điểm):

a) Tìm x biết $2x - 7 = 3$. (-9)	
$2x - 7 = -27$	0.25
$2x = -27 + 7$	0.25
$2x = -20$	
$x = -10$	0.25

b) Gọi số sách tham khảo là a

Ta có $a - 5 \in BC(12; 15; 18)$	0.25
$250 \leq a \leq 450 \Rightarrow 245 \leq a - 5 \leq 445$	
$BCNN(12, 15, 18) = 180$	0.25
$a - 5 \in BC(12; 15; 18) = B(180) = \{0; 180; 360; 540; \dots\}$	0.25
Mà $245 \leq a - 5 \leq 445 \Rightarrow a - 5 = 360$	
Vậy THCS A có 365 cuốn sách tham khảo	0.25

Câu 4. (1,25 điểm)

a) Chiều dài của sân bóng đá là : $25 \cdot 2 = 50(m)$	0.25
Chu vi sân bóng: $(25 + 50) \cdot 2 = 150(m)$	0.25
b) Diện tích của sân bóng là : $25 \cdot 50 = 1250(m^2)$	0.25
Số tiền để mua cỏ nhân tạo là : $1250 \cdot 180000 = 225000000$ (đồng)	0.25

Câu 5. (1,0 điểm)

- | | |
|--------------------------------------|-----|
| a/ Hoa hồng | 0,5 |
| b/ Hoa cúc và trồng nhiều hơn 4 bông | 0,5 |

TRƯỜNG THCS CỬU LONG**ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024****Môn : Toán lớp 6****Thời gian: 90 phút****Phần 1. Trắc nghiệm (3,0 điểm)**

Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. Tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 2 và nhỏ hơn 7 là

- A. {6; 7; 8; 9}; **B. {3; 4; 5; 6};** C. {4; 5; 6; 7}; D. {5; 6; 7; 8}

Câu 2. Trong các số 313; 7421; 246; 133. Số chia hết cho 3 là

- A. 313 **B. 246** C. 7421 D. 133

Câu 3. Số đối của 9 là:

- A. 9 **B. - 9** C. 8 D. - 10

Câu 4. Tập hợp tất cả các ước số nguyên của 5 là:

- A. $U(5) = \{1; 5; - 1; - 5\}$.** B. $U(5) = \{1; 5\}$
C. $U(3) = \{- 1; - 5\}$. D. $U(5) = \{1; 5; 0; - 1; - 5\}$.

Câu 5. Logo hãng xe Nhật Bản Mitsubishi như hình sau (gồm 3 hình màu đỏ), đó là 3 hình gì?

- A. Hình chữ nhật B. Hình vuông
C. Hình thoi D. Hình lục giác đều

**Câu 6.** Yếu tố nào sau đây không phải của hình chữ nhật?

- A. Hai cạnh đối diện song song **B. Hai đường chéo vuông góc với nhau**
C. Có 4 góc vuông D. Hai cạnh đối diện bằng nhau

Câu 7. Điều tra tuổi của 20 bé đăng ký tiêm chủng tại phường 8 trong một buổi sáng. Người ta thu được bảng số liệu ban đầu như sau:

2	3	2	3	1	4	3	2	-1	2
3	4	3	2	3	2	1	2	3	4

Dữ liệu nào ghi không chính xác?

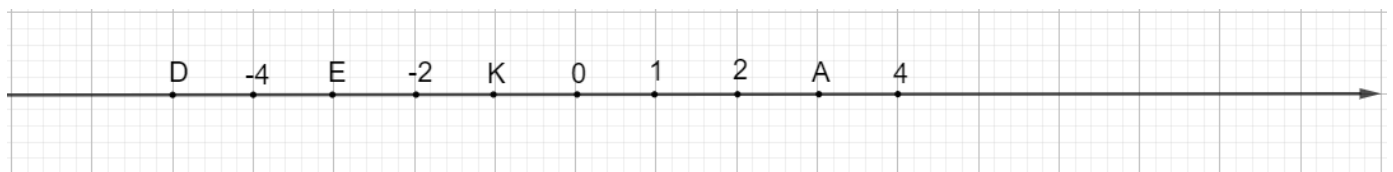
- A. -1** B. 2 C. 1 D. 4

Câu 8. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	0	1	8	8	9	5	6	3

Số học sinh đạt điểm Giỏi (từ điểm 8 trở lên) là:

- A. 11 B. 6 **C. 14** D. 9

Câu 9. Các điểm E và A ở hình sau đây biểu diễn các số nguyên nào?

- A. -5 và -3 B. -1 và 3 **C. -3 và 3** D. 5 và 3

Câu 10. Thực hiện phép tính $(-41).57 + (-59).57$

- A. - 5700** B. 5700. C. - 4100 D. - 5900

Câu 11. Một chiếc tàu ngầm đang ở độ sâu 20m, tàu tiếp tục lặn xuống thêm 15m nữa. Hỏi khi đó,

tàu ngầm ở độ sâu bao nhiêu mét?

A. 5

B. 35

C. -5

D. 30

Câu 12. . Bạn An đi nhà sách mua 10 quyển tập, 5 bút bi, 2 bút chì. Biết giá một quyển tập là 7 500 đồng, một cây bút bi là 5 000 đồng, một cây bút chì là 3 000 đồng. Nhà sách đang khuyến mãi giảm giá 20 000 đồng cho mỗi đơn hàng có tổng giá trị hóa đơn trên 50 000 đồng. Hỏi bạn An cần thanh toán bao nhiêu tiền?

A. 86 000 đồng

B. 126 000đồng

C. 100 000 đồng

D. 176 000 đồng

Phần 2: Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- Liệt kê các số nguyên tố có một chữ số .
- Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: -5 ; 0 ; 6 ; -4 ; 9 .
- Viết tập hợp A các ước số tự nhiên của 15.

Câu 2. (1,5 điểm) Tính giá trị của biểu thức

- $4^2 \cdot 3 + 7^{16} : 7^{14} - 5^0$
- $700 + \left\{ 5 \cdot \left[80 : (6 - 4 \cdot 5^0) \right] - 10^2 \right\}$

Câu 3. (1,75 điểm)

- Tìm x biết: $(20 - x) : 3 = -2$
- Lớp 6A có số HS từ 40 đến 50 HS. Biết khi xếp hàng 6 hay hàng 8 đều vừa đủ. Hỏi lớp 6A có bao nhiêu HS.

Câu 3. (1,25 điểm)

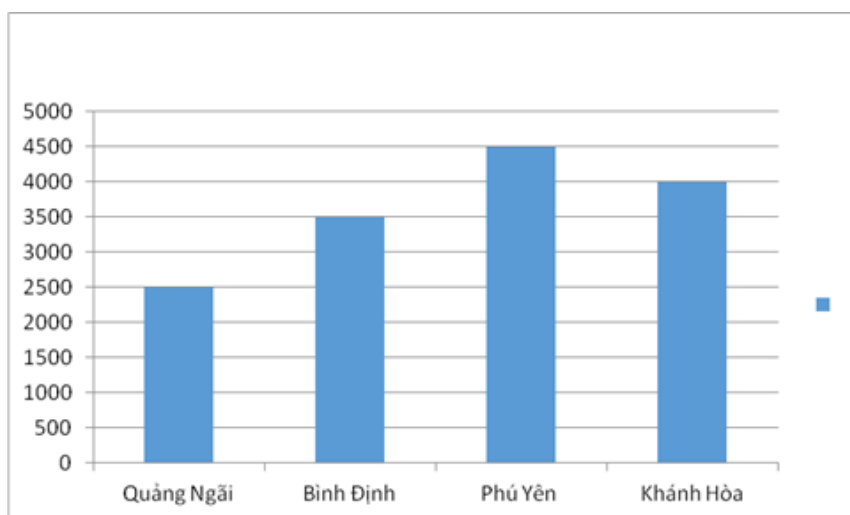
Một mảnh vườn có dạng hình chữ nhật với độ dài hai cạnh là 8m và 12m.

- Em hãy tính diện tích của mảnh vườn đó.
- Dọc theo các cạnh của mảnh vườn, người ta trồng các khóm hoa, 2m trồng một khóm hoa. Tính số khóm hoa cần trồng.

Câu 4: (1,0 điểm). Biểu đồ dưới đây nói về sản lượng cá ngừ đánh bắt được ở 4 tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa trong năm 2020 (đơn vị tính theo tấn)

Nhìn biểu đồ, em hãy cho biết:

- Tỉnh nào đánh bắt được nhiều cá ngừ nhất? Tại sao?
- Tỉnh Bình Định đánh bắt ít hơn tỉnh Khánh Hòa bao nhiêu tấn cá ngừ?



..... HẾT

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng chấm 0,25điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	B	B	B	A	C	B	A	C	C	A	B	A

I. TỰ LUẬN: (7,0điểm)

Bài	Đáp án	Điểm
1a (0,5đ)	Các số nguyên tố có một chữ số là: 2; 3; 5; 7.	0,5
1b (0,5đ)	- 5; - 4; 0; 6; 9	0,5
1c (0,5đ)	$U(15) = \{ 1 ; 3; 5; 15 \}$	0,5
2a (0,75đ)	$4^2.3 + 7^{16} : 7^{14} - 5^0$	0,25
	$= 16.3 + 7^2 - 1$	0,25
	$= 48 + 49 - 1$	0,25
	$= 97 - 1 = 96$	0,25
2b (0,75đ)	$700 + \{ 5 \cdot [80 : (6 - 4 \cdot 5^0)] - 10^2 \}$	0,25
	$= 700 + \{ 5 \cdot [80 : (6 - 4)] - 10^2 \}$	0,25
	$= 700 + \{ 5 \cdot [80 : 2] - 10^2 \}$	0,25
	$= 700 + \{ 5 \cdot 40 - 10^2 \}$	0,25
3a (0,75đ)	$= 700 + \{ 200 - 100 \}$	0,25
	$= 700 + 100$	0,25
	$= 800$	0,25
	$20 - x) : 3 = -2$	0,25
3b (1,0đ)	$(20 - x) = -2 \cdot 3$	0,25
	$20 - x = -6$	0,25
	$x = 20 - (-6) = 20 + 6$	0,25
	$x = 26$	0,25
3b (1,0đ)	Gọi x là số học sinh lớp 6A ($x \in \mathbb{N} ; 40 \leq x \leq 50$)	0,25
	$x : 6 ; x : 8 \Rightarrow x \in BC(6; 8)$	0,25
	$BCNN(6, 8) = 24$	0,25
	$BC(6, 8) = \{0; 24; 48; 72; \dots\}$	0,25
3b (1,0đ)	$\Rightarrow x = 48$	0,25
	Vậy lớp 6A có 48 học sinh.	0,25

3a (0,5đ)	a/ Diện tích mảnh vườn : $8 \cdot 12 = 96 \text{ (m}^2\text{)}$	0,5
3b (0,75đ)	b/ Chu vi mảnh vườn là: $(8 + 12) \cdot 2 = 40 \text{ (m)}$ Số khóm hoa cần trồng là: $40 : 2 = 20 \text{ (khóm)}$	0,5 0,25
4a (0,5đ)	a/ Vì $4500 > 4000 > 3500 > 2500$. Nên tỉnh Phú Yên đánh bắt được nhiều cá ngừ nhất	0,5
4b (0,5đ)	b/ Tỉnh Bình Định đánh bắt ít hơn tỉnh Khánh Hòa số tấn cá ngừ là $4000 - 3500 = 500 \text{ (tấn)}$	0,5

.....**HẾT**.....

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm)

Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

Câu 1. Kết quả của 5^3 là:

- A. 15
B. 27
C. 125
D. 8

Câu 2. Tập hợp nào sau đây chỉ gồm các số nguyên tố:

- A. $\{0; 2; 3\}$
B. $\{20; 22; 23\}$
C. $\{9; 11; 17\}$
D. $\{11; 17; 23\}$

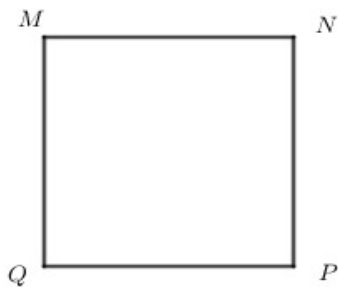
Câu 3. Số đối của $-(-45)$ là:

- A. - 45
B. 45
C. 54
D. $-(-54)$

Câu 4. Kết quả của phép tính $(-100) + (-50)$ là :

- A. 150
B. -50
C. - 150
D. 50

Câu 5. Cho hình vuông MNPQ, khẳng định nào sau đây đúng?



- A. MN và PQ song song
B. MN và NP song song
C. MQ và PQ song song
D. MN và MQ song song

Câu 6. Trong hình chữ nhật thì:

- A. Hai đường chéo vuông góc với nhau
- B. Hai đường chéo không bằng nhau
- C. Hai đường chéo song song với nhau
- D. Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường

Câu 7. Số học sinh vắng trong ngày của các lớp khối 6 trường THCS Thanh Đa được cho ở bảng dữ liệu sau:

Lớp	6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	6A6	6A7
Số HS	2	4	5	1	3	0	2

Lớp có số học sinh vắng nhiều nhất là:

- A. 6A6
- B. 6A1
- C. 6A3
- D. 6A2

Câu 8. Em hãy chỉ ra các điểm không hợp lí trong bảng dữ liệu sau:

Danh sách học sinh giỏi lớp 7A

STT	Họ và tên
1	Nguyễn Hoàng Xuân
2	Phạm Thị Hương
3	Đỗ Thu Hà
4	03456789
5	Ngô Xuân Giang

- A. Nguyễn Hoàng Xuân
- B. 03456789
- C. Phạm Thị Hương
- D. Ngô Xuân Giang

Câu 9. Tập hợp nào dưới đây chỉ gồm các số nguyên âm

A. $\{-3; -2; 1\}$

B. $\{-9; -2; -1\}$

C. $\{-6; 1; 4\}$

D. $\{1; 4; 8\}$

Câu 10. Thực hiện phép tính $56.(-17) + 56.(-83)$

A. -56

C. 5600

B. -5600

D. $-170.$

Câu 11. Dữ liệu số máy cày của 5 xã được cho ở bảng sau đây: Em hãy cho biết xã nào có nhiều máy cày nhất ?

A. Xã C

B. Xã B

C. Xã A

D. Xã D

Xã	Số máy cày
Xã A	
Xã B	
Xã C	
Xã D	
Xã E	

( = 10 máy cày;  = 5 máy cày)

Câu 12. Bạn An đi nhà sách mua: 5 cây bút bi, 1 quyển sách và 15 quyển tập. Biết giá mỗi cây bút là 4 000 đồng, sách giá 60 000 đồng và tập giá 8 000đ mỗi quyển. Bạn An mang theo 190 000 đồng. Bạn An thừa hay thiếu bao nhiêu tiền ?

A. Thừa 10 000đ

B. Thiếu 10 000đ

C. Thiếu 15 000đ

D. Thừa 15 000đ

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

a) Liệt kê các số nguyên tố có hai chữ số nhỏ hơn 27.

b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự giảm dần: 11 ; -2 ; 0 ; 5 ; -18 ; -9.

c) Viết tập hợp các bội nhỏ hơn 23 của số 4

Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $4^{24} : 4^{21} + 5^2.4 - 3023^0$

b) $\{250 : [56 + 36 : (-6)]\} - 4^3.3$

Câu 3. (1,75 điểm):

a) Tìm x biết $5x - 10 = -105$

b) Thư viện một trường có khoảng từ 500 đến 600 quyển sách. Nếu xếp vào giá sách mỗi ngăn 12 quyển, 15 quyển, hoặc 18 quyển thì vừa đủ ngăn. Tính số sách của thư viện?

Câu 4. (1,25 điểm) Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 30m, chiều rộng 12m.

a) (0,5đ) Tính diện tích và chu vi khu vườn đó?

b) Người ta dự định trồng cây toàn bộ khu vườn. Biết mỗi cây khi trồng cần 40 dm^2 diện tích mặt đất. Tính số cây cần trồng?

Câu 5. (1,0 điểm) Điểm kiểm tra môn Ngữ văn của một nhóm học sinh được ghi lại như sau:

3	6	8	9	7	9	9	6	8	5
7	8	7	7	6	5	6	6	7	6

a) Hãy lập bảng thống kê tương ứng

b) Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số liệu ở bảng thống kê trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I – TOÁN 6

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	C	D	B	C	A	D	C	B	B	B	C	B

PHẦN II. TỰ LUẬN:

Bài	Đáp án	Điểm
1	Câu 1. (1,5 điểm) a) Liệt kê các số nguyên tố có hai chữ số nhỏ hơn 27. b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự giảm dần: 11 ; -2 ; 0 ; 5 ; -18 ; -9. c) Viết tập hợp các bội nhỏ hơn 23 của số 4	
1	a) 11; 13; 17; 19; 23	0,5
	b) 11; 5; 0; -2; -9; -18	0,5
	b) Bội nhỏ hơn 23 của 4 là: 0; 4; 8; 12; 16; 20	0,5
2	Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính: a) $4^{24} : 4^{21} + 5^2 \cdot 4 - 3023^0$ b) $\{250 : [56 + 36 : (-6)] - 4^3\} \cdot 3$	
2	a) $4^{24} : 4^{21} + 5^2 \cdot 4 - 3023^0 = 4^3 + 25 \cdot 4 - 1$	0,25
	$= 64 + 100 - 1$	0,25
	$= 163$	0,25
	b) $\{250 : [56 + 36 : (-6)] - 4^3\} \cdot 3$	
	$= \{ 250 : [56 + (-6)] \} - 64 \cdot 3$	0,25
	$= \{ 250 : [50] \} - 192$	0,25
	$= 5 - 192 = -187$	0,25
3	Câu 3. (1,75 điểm): a) Tìm x biết $5x - 10 = -105$	

	b) Thư viện một trường có khoảng từ 500 đến 600 quyển sách. Nếu xếp vào giá sách mỗi ngăn 12 quyển, 15 quyển, hoặc 18 quyển thì vừa đủ ngăn. Tính số sách của thư viện?	
3	a) $5x - 10 = -105$	0,25
	$5x = -105 + 10$	0,25
	$5x = -95$	
	$x = -95 : 5$	0,25
	$x = -19$	
	b) <u>Giải</u>	
	Gọi số sách ở thư viện là x, x là BC (12, 15, 18); $500 < x < 600$	0,25
4	Ta có:	
	$12 = 2^2.3$	
	$15 = 3.5$	
	$18 = 2.3^2$	
	$BCNN(12, 15, 18) = 2^2.3^2.5 = 180$	0,25
	$BC(12, 15, 18) = \{0; 180; 360; 540; 720; \dots\}$	0,25
	$500 < x < 600$ nên $x = 540$	0,25
4	Câu 4. (1,25 điểm) Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 30m, chiều rộng 12m.	
	a) Tính diện tích và chu vi khu vườn đó?	
	b) Người ta dự định trồng cây toàn bộ khu vườn. Biết mỗi cây khi trồng cần 40 dm ² diện tích mặt đất. Tính số cây cần trồng?	
	a) <u>Giải</u>	
	Diện tích khu vườn là:	
	$30. 12 = 360 (m^2)$	0,25
	Chu vi khu vườn là:	
4	$(30 + 12) . 2 = 84 (m)$	0,25
	b) Đổi: $360 m^2 = 36000 dm^2$	0,25

	Số cây cần trồng là: $36000: 40 = 900$ (cây)								0,5																					
5	Bài Câu 5. (1,0 điểm) Điểm kiểm tra môn Ngữ văn của một nhóm học sinh được ghi lại như sau: <table><tr><td>3</td><td>6</td><td>8</td><td>9</td><td>7</td><td>9</td><td>9</td><td>6</td><td>8</td><td>5</td></tr><tr><td>7</td><td>8</td><td>7</td><td>7</td><td>6</td><td>5</td><td>6</td><td>6</td><td>7</td><td>6</td></tr></table> a) Hãy lập bảng thống kê tương ứng b) Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số liệu ở bảng thống kê trên.									3	6	8	9	7	9	9	6	8	5	7	8	7	7	6	5	6	6	7	6	
3	6	8	9	7	9	9	6	8	5																					
7	8	7	7	6	5	6	6	7	6																					
5	a) <table><tr><td>Điểm</td><td>3</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td></tr><tr><td>Số lượng</td><td>1</td><td>2</td><td>6</td><td>5</td><td>3</td><td>3</td></tr></table> b) Học sinh vẽ đúng biểu đồ cột								Điểm	3	5	6	7	8	9	Số lượng	1	2	6	5	3	3	0,5 0,5							
Điểm	3	5	6	7	8	9																								
Số lượng	1	2	6	5	3	3																								